



# hình của người tàng hình

THE INVISIBLES AMONG US

ĐINH ĐỨC HOÀNG  
ĐỖ MẠNH CƯỜNG  
NGUYỄN THỊ THU LÀNH



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

**NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Địa chỉ: 80B Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 024-3.9423346 - 3.8221627

Fax: 024-3.8224784

Email: nxbgvt@fpt.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: **NGUYỄN MINH NHẬT**

Chịu trách nhiệm nội dung: **NGUYỄN HỒNG KỲ**

Biên tập: **TRẦN ANH THU**

Đối tác liên kết: Trung tâm Phát triển và Hội nhập

In 200 cuốn, tại Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Hoàng Minh

Địa chỉ: 18/79 Ngõ Thổ Quan, Phường Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4984-2019/CXBIPH/2-154/GTVT

Quyết định xuất bản số: 180 LK/QĐ-XBGT. Cấp tháng 10/2019

Mã ISBN: 978-604-76-1976-4

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2019

**TRANSPORT PUBLISHING HOUSE**

Add: 80B Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi

Tel: 024-3.9423346 - 3.8221627

Fax: 024-3.8224784

Email: nxbgvt@fpt.vn

In charge of Publishing: **NGUYEN MINH NHAT**

In charge of Content: **NGUYEN HONG KY**

Edited by: **TRAN ANH THU**

Associate partner: Center for Development and Integration

Printing 200 copies at HoangMinh Comtech JSC.,

Add: 18/79 Tho Quan Alley, Tho Quan Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

Registered publishing number: 4984-2019/CXBIPH/2-154/GTVT

Publishing Permit number: 180 LK/QĐ-XBGT. Issued on October, 2019

ISBN: 978-604-76-1976-4

Printed and legal deposited in November, 2019

hình  
của  
người  
tàng  
hình

THE INVISIBLES AMONG US

Tác giả | Writers

**ĐINH ĐỨC HOÀNG**

**NGUYỄN THỊ THU LÀNH**

Nhiếp ảnh | Photographer

**ĐỖ MẠNH CƯỜNG**

Thiết kế | Designer

**TRẦN TIẾN THÀNH**

Biên dịch | Translator

**NGUYỄN THỊ MAI TRANG**

Biên soạn | Compilers

**DƯƠNG THỊ VIỆT ANH**

**ĐINH HÀ AN**

**KIM THỊ THU HÀ**

**NGUYỄN THỊ THU HIỀN**

**NGÔ MINH HƯƠNG**

Hiệu đính bản dịch | Revised by

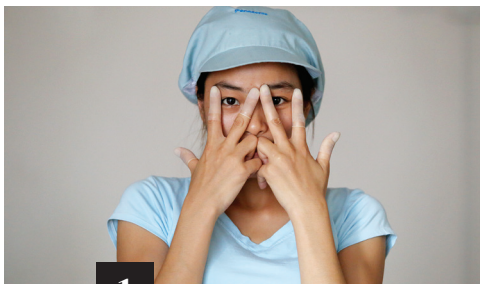
**PETER MURPHY**

hình  
của  
người  
tàng  
hình

THE INVISIBLES AMONG US

TABLE OF CONTENTS

# Mục lục



1

Tuổi 20 trong nhà máy  
*Spending my 20s in the factory*



2

Dây chuyền của mẹ đơn thân  
*The assembly of a single mom*



3

Người điên trong thành phố  
*Mad man in the city*



4

Đồng không bóng ruộng  
*Fields without paddy*



5

Bến cuối  
*The final destination*



6

Phức hợp nhà ven sông  
*Riverside Complex*



7

Người nằm dưới  
*The bottom*



8

Thuyền trong vũng cạn  
*Boat in the shallow*

# hình của người tàng hình

**C**húng ta đi qua rất nhiều người trên phố mỗi ngày. Mỗi người trong số đó có một câu chuyện. Những câu chuyện có thể rất giống nhau ở nhiều chi tiết: đầu sao chúng ta cũng cùng phải sống và tuân theo các kế ước chung. Những người trưởng thành lớn lên, di cư tìm nơi có thể mưu sinh, rồi kiếm sống, sinh con và nuôi chúng để tiếp nối vòng lặp này.

Hầu hết chúng ta hiểu các vòng lặp này, và các nguyên tắc chung của cuộc đời. Và sẽ không sai khi nói rằng ta “hiểu” phần lớn những con người mình đi ngang trên phố, cho dù đó là một người giao hàng, một công nhân, một người bán hàng rong...

Chúng tôi gọi đó là những “người tàng hình”. Bạn không nhất thiết phải để tâm nhiều đến những người tàng hình như thế, bởi đầu sao cuộc sống của chính bạn đã quá tải thông tin và quá tải điều cần quan tâm rồi. Bạn, cũng như tôi, hầu hết sẽ tương tác với người bán rong đó và người giao hàng đó như một mắt xích trong một guồng máy xã hội đang chạy ổn định.

Nếu có thời gian, chúng ta sẽ dành nó để quan tâm đến những nhân vật đặc biệt: các ngôi sao, giới chính trị gia, các học giả, hay ít nhất cũng là bọn tội phạm nguy hiểm... những người mà hành động và suy nghĩ của họ có tác động xã hội lớn.

Đó là một đề bài rộng. Với việc đã thực hiện các dự án tài liệu xã hội nhiều năm, chúng tôi - Đức Hoàng, Đỗ Mạnh Cường và Thu Lành - hiểu rằng nếu đã cất công tìm kiếm, luôn thấy được điều gì đó đặc biệt trong cuộc đời của bất kỳ ai. Nhưng với sự giúp đỡ của Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI và các tổ chức tài trợ), chúng tôi thu hẹp đối tượng “người tàn hình” của mình lại, là những lao động di cư.

Mười bảy phần trăm dân số Việt Nam là những người di cư, trong đó có thể có bạn, người đang cầm cuốn sách này. Rất nhiều người trong chúng ta di cư để trở thành một người tàn hình, một mắt xích nhất định và ngoan ngoãn trong một cỗ máy kinh tế đã được thiết kế sẵn. Với con số lớn như thế, hàng chục triệu người, việc đi tìm một đặc tính nào đó của “lao động di cư” có vẻ như là vô nghĩa. Đó là một chuyện thông thường, và đó nên chỉ là những người tàn hình.

Nhưng khi nhìn kỹ vào cuộc đời của những người tàn hình này, cố gắng mô tả chân dung của họ, chúng tôi tìm thấy những mẫu chuyện lấp lánh. Chúng có thể là các đặc điểm cực đoan, cũng có thể rất giàu tính đại diện. Nhưng trong những câu chuyện ấy, luôn có những điều có thể suy ngẫm và phóng chiếu lên một bức màn rộng hơn của xã hội. Trong những câu chuyện ấy, chúng tôi tìm được những điều quan trọng về cách chúng ta đang sống, trong tư cách một cộng đồng, cách ta đang vận hành xã hội của mình.

Đây không phải một cuốn sách về lòng bác ái, đề xuất bạn phải yêu thương mọi người tàn hình mình gặp trên phố. Đây chỉ là một tuyển tập những lời tâm sự mà rất ít khi, chúng ta có thời gian lắng nghe, từ những người xa lạ.

# The invisibles among us

**E**very day we encounter many people in the streets. Each has their own story. The stories will be similar in the broadest sense. We grow up, many of us migrate to find work, we give birth and raise our children, we die, and the cycle goes on.

Yet we cannot claim to “understand” in any detail the lives of those that we encounter. Shippers, factory workers, street vendors and the myriad of occupations all have their own lived experiences.

So in an important sense most people we encounter in the street are “invisible”. You do not necessarily pay attention to such invisibles because your own life is overwhelmed with information and concerns. You, as much as myself, will mostly interact with this vendor and that shipper in their roles and not in their broader lives. If we have the time, we will likely spend it following celebrities, politicians, scholars, even dangerous criminals, whose actions and thinking may have larger social implications that affect the lives of the ‘every man’.

It is a big topic. Through our years of experience in implementing social documentary projects, we - Duc Hoang, Do Manh Cuong and Thu Lanh - understand that if we make the effort to look we will always find something extraordinary in any person's life. For this project, with the support of Center for Development and Integration (CDI and donor organizations), we narrowed down our pool of "invisibles" to migrant workers.

Seventeen percent of the Vietnamese population are migrants (i.e. people who have left their places of birth, often in rural Viet Nam, in search of work) perhaps including yourself who is holding this book. Many of us migrate and become an invisible, becoming one link or component in a bigger economic machine that we neither control nor fully understand. With such large numbers involved, it is difficult to search for specific characteristics of "migrant workers".

But by looking deep into the lives of these invisibles, trying to depict them, we have found many sparkling stories. They involve both extreme characteristics and can be full of common themes. In all of the stories, there are things to ponder and project on to the wider screen of society. In such stories, we have found important things about how we live as a community, and how we are functioning in society.

This book does not aim to persuade you to show compassion for every "invisible" that you encounter. It is simply a collection of many confidences, that we rarely have time to listen to, from strangers.





# **Tuổi 20 trong nhà máy**



Trung bình mỗi ngày Quyên làm việc  
10 tiếng trong nhà máy



Tốt nghiệp đại học, Quyên làm việc trong một dây chuyền lắp ráp điện thoại tại khu công nghiệp Bắc Thăng Long. Cô gái quê Yên Bái đã lấy bằng cử nhân sư phạm Toán ở Đại học Tây Bắc - hoàn toàn nằm ngoài tiêu chuẩn đầu vào của những nhà máy tại nơi này. Không tìm được việc làm, bởi “phải có khoảng 100 triệu để xin việc”, Quyên xuống Hà Nội làm công nhân, để trả khoản nợ 30 triệu vay để đi học từ thời còn sinh viên.

Trong những phép tính của cô gái trẻ, một năm rưỡi làm công nhân sẽ trả được khoản vay hỗ trợ sinh viên. Nhưng lối ra khỏi khu công nghiệp thì vẫn mù mờ. Cô gái không có lựa chọn nào: công việc hiện tại, với những giờ “làm ầu” - cách công nhân ở đây gọi giờ làm thêm, overtime, cho Quyên một mức thu nhập đủ sống tạm tiện và để dành trả nợ. Nhưng nó không cho cô thời gian để tiếp cận với bất kỳ cơ hội mới nào. Cơ hội công việc không; cơ hội tình cảm, lại càng không.

Ở vẻ ngoài, Quyên vẫn là một cô gái 23 tuổi vô tư, hòa đồng và vui sống. Cô, cũng như phần lớn những nữ công nhân của KCN Bắc Thăng Long này, vẫn cố xoay sở để có niềm vui trong không gian chật hẹp giữa những dãy nhà trọ và ký túc xá. Ba tháng một lần, nhà máy hỗ trợ tiền để các công nhân cùng một dây chuyền đi liên hoan. Những quán vịt - món nhậu rẻ nhất - có mặt ở khắp nơi. Những quán karaoke với giá chỉ hơn một trăm ngàn một tiếng nhưng phòng rộng đủ chứa vài chục nữ công nhân chuyền tay nhau micro. Và những người bạn cũng cố gắng giới thiệu cho nhau các chàng trai - vốn chiếm thiểu số trong những dây chuyền tại đây.

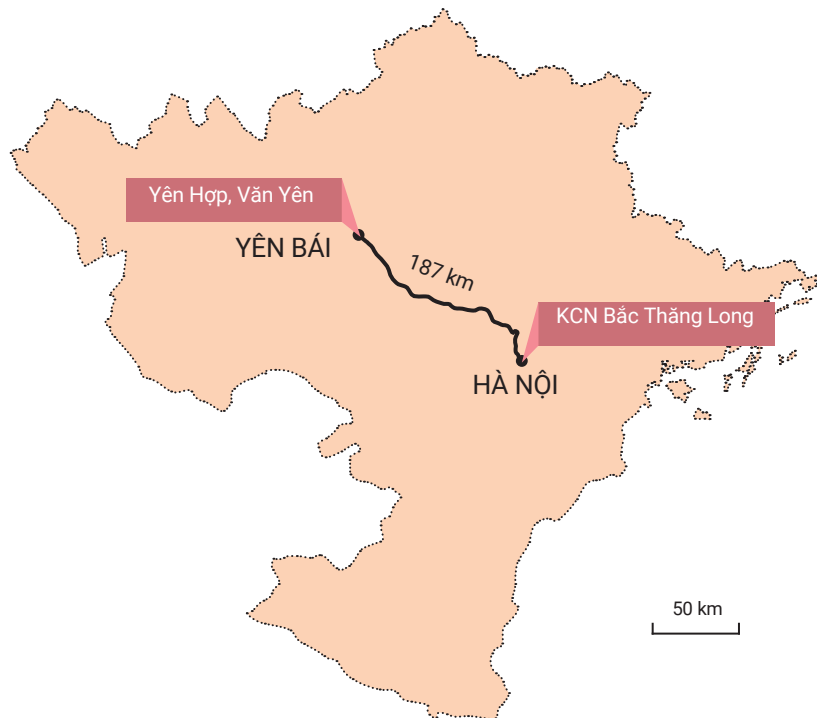
Đó là một buổi gặp lặng lẽ. Một bạn cùng nhà máy dắt đến người em họ của mình, làm việc ở nhà máy khác cùng công ty. Giữa họ cũng không có nhiều điều để chia sẻ. Cả hai ngồi cắn hạt hướng dương và uống nước trong quán cà phê, rất ngượng ngập khi chàng trai không biết bắt đầu câu chuyện như thế nào.

Cuộc sống tinh thần của những nữ công nhân tuổi 20 ở Bắc Thăng Long gói khá kín trong những cuộc “liên hoan” mà họ thỉnh thoảng mới tổ chức được vì vấn đề kinh phí, hay là những quán cóc. Quán cóc ở Bắc Thăng Long còn có cả máy chiếu và phông màn lớn để công nhân có thể ngồi ngay vĩa hè hát karaoke - một mô hình đã từng xuất hiện và biến mất trong nội thành từ rất lâu. Trong phòng trọ, rất khó tìm thấy một cuốn sách hay báo.

Khoảng không gian riêng của Quyên  
sau giờ làm việc  
(07.2015)







Quyên và đồng nghiệp  
cùng công ty  
(06.2015)





Ai cũng có điện thoại thông minh, những máy điện thoại giá rẻ của Trung Quốc hay Hàn Quốc. Nhưng họ có rất ít người để giao lưu. Những cô gái đi thẳng từ mái trường, từ đồng ruộng đến thẳng “tiểu thành phố” này - nơi cuộc sống lặp đi lặp lại những vòng đều, đứng trong dây chuyền 10 tiếng mỗi ngày, chưa kể giờ “âu” - khi rời ra chỉ còn rất ít sức lực để gặp gỡ và mở rộng đường biên giới của những dãy nhà trọ và ký túc xá. Khu công nghiệp Bắc Thăng Long là nơi những người công nhân phải đứng: đó là đặc trưng của ngành lắp ráp đồ điện tử.

Phía Nam là sông Hồng ngăn giữa khu công nghiệp và thành phố. Phía Bắc là con đường thênh thang dẫn ra sân bay Nội Bài. Khu công nghiệp Bắc Thăng Long nằm giữa, giống như một thành phố nhỏ cô độc, với đường biên không thể mở rộng.

Ở đó, trong “tiểu thành phố” chỉ toàn những nữ công nhân, bạn có thể sẽ được nghe những bi kịch. Giả như Huệ, một cử nhân ngành triết, bị nhà người yêu từ hôn, dù đôi nhà đã gặp gỡ nói chuyện, vì những đồn đoán ở làng quê về một đứa con gái “đi làm công nhân”, trong những xóm trọ mà theo họ đầy cạm bẫy và nhiều tệ nạn.

Rất thỉnh thoảng, họ sẽ đi xe buýt vào thành phố chơi. Ở trong đó cũng không có gì nhiều để chơi, ngoài một vài rạp chiếu phim. Những nữ công nhân như Quyên cứ sống trong tiểu thế giới của khu công nghiệp, và sự dịch chuyển lớn nhất có thể, chỉ là chuyển nhà trọ này sang nhà trọ khác, hay từ nhà trọ vào ký túc xá.





Ba tháng một lần công ty cho tiền  
tổ chức liên hoan dây chuyền  
(07.2015)

Nhiều công nhân tại các khu công nghiệp Việt Nam đối mặt với một vấn đề chung: họ không thể lên kế hoạch tương lai. Thu nhập từ những giờ “làm ầu” cho phép họ tính toán được những bài toán ngắn hạn, như Quyên. Nhưng môi trường biệt lập và số giờ làm ầu có thể lên tới hàng trăm giờ mỗi tháng ngăn chặn mọi cơ hội phát triển và khám phá bản thân. Họ không biết sẽ đi đâu tiếp sau những năm trong nhà máy.

Có một lần, Quyên đã nảy ra ý định về quê. Nhà có đất, em sẽ mở một trại gà nhỏ. Nhưng gia đình không đồng ý. Mẹ Quyên đã dồn tất cả sức lực, vay mượn để cho con gái được học đại học, và giờ, chấp nhận điều tiếng của làng xóm vì con gái mình làm công nhân. Làm công nhân cũng được, nhưng mẹ không muốn Quyên về quê - về cái xã nghèo miền núi nơi cô đã ra đi.

Những năm sau này, Quyên thoát khỏi khu công nghiệp nhờ những sự tình cờ. Nhờ vài người quen, cô xin được việc làm quản sinh tại một trường đại học, rồi trở thành nhân viên của một chuỗi cửa hàng đồ trẻ em lớn. Rồi vài năm không gặp, một ngày Quyên nhắn cho người viết, rằng cô đã tìm được một người đàn ông thương yêu mình.

Khác với ý niệm đã đi vào lịch sử, của một sự nghiệp mà con người có thể si mê gắn bó như trong thập kỷ 80, tên cái nghề “công nhân” trong thế kỷ 21 mang nội hàm của sự tạm bợ. Quyên đã may mắn, vì cái nghề ấy giúp cô giải quyết được bài toán tài chính ngắn hạn, rồi rời đi. Nhưng nhiều người đã không tìm thấy được lối ra như thế.

# Spending my 20s in the factory

**Q**uyen started work on a cellphone assembly line in the North Thang Long Industrial Park. The girl from Yen Bai province, who earned a Bachelor's Degree in Mathematics Pedagogy at Tay Bac University, was overqualified for an entry-level job at this place. Unable to find a job in her own region, because "you need about 100 million VND to pay for a job application", Quyen went to Ha Noi to work in a factory to pay the debt of 30 million VND (1,300 USD) she had incurred to pay for her university tuition and related expenses.

According to the young girl's calculation, a year and a half working in a factory would be enough time for her to pay off her student debts.

She had no choice: the current job, filled with overtime hours, gave Quyen an income sufficient for frugal living and paying debts. But it did not leave her time to search for new job opportunities or, indeed, romantic opportunities.





Quyen in her working uniform with  
rubber protective gloves covering  
her fingers  
(09.2015)



Ninh, one worker graduated from medical school occasionally helps her fellows with infusion at their request (10.2015)



On the outside, Quyen was still a carefree, sociable and cheerful 23-year-old girl. Like most of the female workers of the North Thang Long Industrial Park, she still managed to have some fun in the tight spaces of tenant neighborhoods and dormitories. Every three months, the factory would give money to workers in the same assembly line for a party. Food stores serving duck dishes - the cheapest party food - were everywhere. Karaoke bars charged just over one VND 100,000 (about 5 USD) for an hour of singing but the rooms are large enough to accommodate a few dozen female workers passing on the microphone. The girlfriends also tried to introduce each other to the boys who were in the factory.

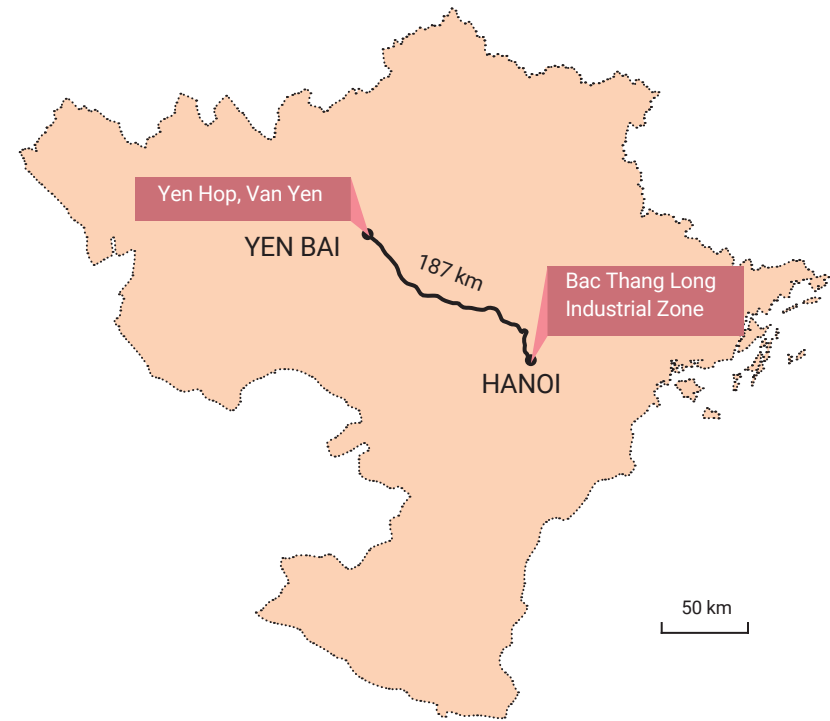
When Quyen's chance came, it was a quiet meeting. A fellow factory worker brought along his cousin who was working at another factory in the same company. They did not have much to share. They both sat there, eating sunflower seeds and having drinks in the cafe, she was very shy and the boy did not know how to start the conversation.

The social life of the 20-to-30-year-old female workers in North Thang Long is limited to the "parties" that they can only occasionally organize due to a lack of funding, or to meetings in the street side cafes. Cafes in North Thang

Long have a projector and a large screen so the workers can sit on the sidewalk and sing karaoke - a model that once appeared and disappeared in the city a long time ago.

Every worker does have a low-cost Chinese or Korean smartphone. But most have few people to interact with. The girls go straight from schools or rice fields to this “sub-city” - where life repeats itself in the daily cycle. Standing at the production on line assembly for 10 hours a day, not counting the overtime hours, they have little energy left to meet people and expand their social and emotional horizons beyond the rented rooms and dormitories. North Thang Long Industrial Park is a place where workers have to stand, a characteristic of the electronics assembly industry.

To the south is the Red River which separates the industrial park from the city. To the north is the highway leading to Noi Bai airport. North Thang Long Industrial Park is in the middle, like a lonely small city, with an unscathed border. There, in the “sub-city” of only female workers, you may hear dramas. For instance, Hue, who holds a Bachelor of Philosophy, was rejected by her lover’s family, although the two families had met, because of perceptions in the village that “being a factory worker” living in a neighborhood full of evils. Very seldom, the women will take a bus to the city for some entertainment. There is not much for them there besides a few cinemas. Female workers like Quyen live in the sub-world of the industrial park, and the biggest possible change for most is to possibly transfer from one rented room to another or from workers’ neighborhoods to the dormitories.





Sometimes Quyen takes care of her skin with mask  
(07.2015)

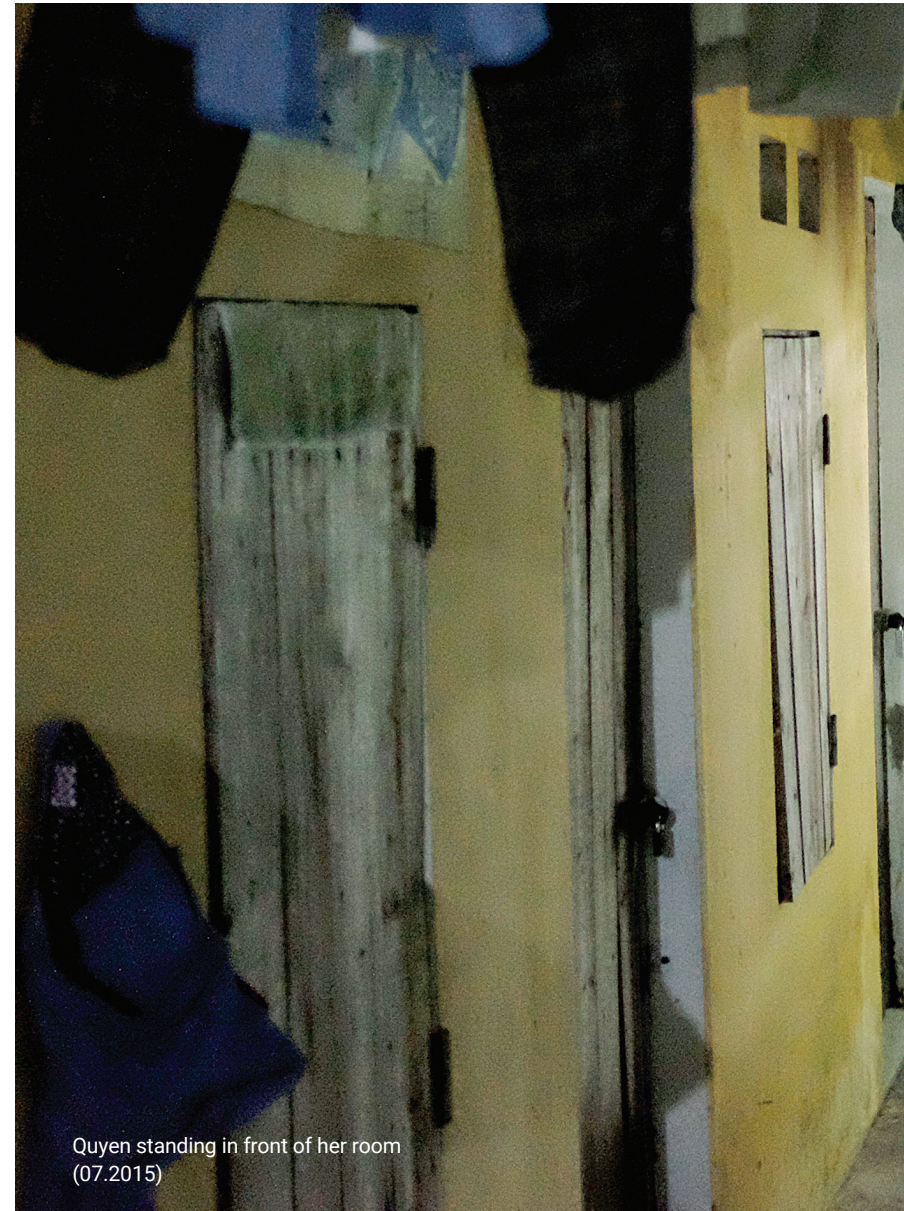


Many workers in Vietnamese industrial parks face a common problem: they cannot plan for the future. Income from hours of working overtime allows them to solve short term financial problems, like Quyen's student loan debt. But the isolated environment and the long working hours severely limit opportunities for social progress and self-discovery. They do not know where to go after years 'buried' in the factory.

Once, Quyen expressed a plan for going home. Her family has land, and she was thinking of starting a small chicken farm. But the family disagreed. Quyen's mother had invested all her resources, and taken loans to enable her daughter to go to college, and had to tolerate the village gossip about her daughter being "only a factory worker". Her mother would rather Quyen continue to stay as a factory worker than see her to return to her hometown - the poor mountainous commune she was raised.

Later years, Quyen escaped from the industrial zone thanks to a lucky break. With the help of a few acquaintances she got a job as a student administrator at a university. Then she became an employee of a large children's store chain. After a few years of our having no contact, one day she messaged us to tell that that she had found a man who loved her.

Gone is the 1980s idea that one should fall in love with a career and build a life around it. Today "worker" is more a difficult way of life. Quyen was fortunate to make it a temporary way of life and to find new opportunities and a better life. But for many of her former co-workers, things seldom work out so well.



Quyen standing in front of her room  
(07.2015)







# **Dây chuyền của mẹ đơn thân**

**S**inh nhật lần thứ 5 của Cò, nó xin phép mẹ được hát một ca khúc mà nó yêu thích. Nó xem được bài hát ấy trên vô tuyến, và mê mẩn nhưng mẹ cấm nó được hát.

Đây là bài “Bố ơi mình đi đâu thế” - ca khúc chủ đề của cái gameshow rất nổi tiếng cùng tên.

Mẹ thằng Cò đồng ý. Nó ngồi hát đầy phấn khởi. Bên cạnh, mẹ nó mím môi ngăn tiếng khóc. Nó chỉ biết bài hát ấy hay, không biết hoàn cảnh của hai mẹ con. Bố nó đã bỏ đi từ lâu.

Khác với phần lớn công nhân của khu công nghiệp Bắc Thăng Long - những cô gái trẻ chưa lập gia đình - Nghiên nuôi một đứa con nhỏ. Sau cuộc hôn nhân ngắn ngủi, khi người chồng bỏ đi vì áp lực gia đình, đã 5 năm qua, cô làm một bà mẹ đơn thân giữa những xóm trọ tồi tàn của khu công nghiệp khổng lồ này.

Ngày mới lên Hà Nội, Nghiên từng gửi con về cho ông bà ngoại mấy năm, nhưng rồi không chịu được, lại đón con lên sống cùng trong dãy nhà trọ gần khu công nghiệp. Cuộc sống của hai mẹ con từ lúc ấy trở thành một cuộc marathon đong đếm từng phút, ngày này qua ngày khác.



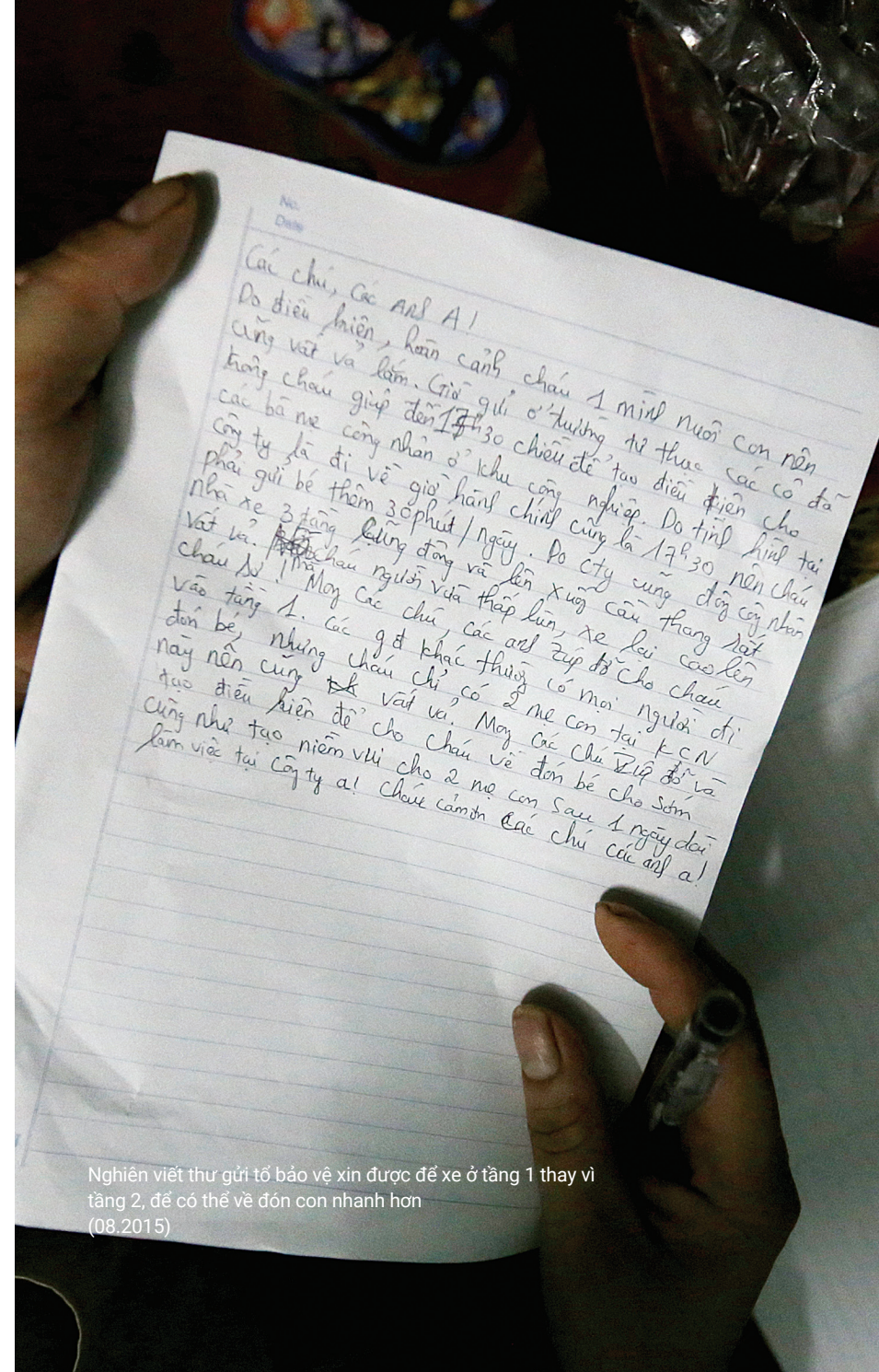
Hôn tạm biệt mẹ trước khi mẹ đi làm ca đêm  
(08.2015)



Cò ở nhà trẻ. 5h30 tan ca, cũng là lúc nhà trẻ bắt đầu đến giờ đón các cháu. Cô nhắm tính từng phút từ khi tiếng chuông báo kết thúc ca làm vang lên, vào phòng thay đồng phục, chạy ra nhà xe, lấy xe máy rồi tắt tả chạy đến trường đón con. “Ngày nào chị cũng nhắm từng phút, chạy thật nhanh. Thay quần áo, quét thẻ, chạy ra nhà xe, tắt cả là mất 7 phút”.

Mỗi tiếng đồng hồ đón muộn, nhà trường thu thêm 15 nghìn đồng. Cô không muốn mất khoản tiền ấy, mà thật ra nhà trường cũng thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của hai mẹ con nên không thu. Nhưng Nghiên cảm thấy ngại với nhà trường. Ngay cả để xe ở đâu trong nhà gửi xe cũng trở thành một câu chuyện: những nữ công nhân phải để xe trên tầng 2; và nếu theo đúng quy trình đó, Nghiên sẽ lại mất thêm vài phút nữa, thằng Cò sẽ lại phải chờ. Cô hay lảng tránh bảo vệ để xe máy dưới tầng 1 - khu vực dành cho phụ nữ có thai. Có người thông cảm, có người không. Mấy phút lấy xe ấy nghiêm trọng đến mức cô đã lên gặp cả quản lý nhà máy để xin được để xe máy dưới tầng 1, nhưng bất thành.

Những lúc rỗi, Nghiên cũng cố dạy con học. Nhưng cô cũng không phải là một nhà sư phạm bẩm sinh. Chỗ dựa đáng kể nhất của Nghiên là YouTube và gói cước dành cho công nhân. Các nhà mạng đã thiết kế riêng những gói cước giá rẻ dành cho đối tượng công nhân - với ưu đãi chính là gói cước 3G - khi khách hàng mục tiêu của họ là những người rất thiếu phương thức giải trí. Nhờ gói cước ấy, Nghiên có thể cho Cò xem các chương trình dạy tiếng Anh và giáo dục trên chiếc điện thoại bình dân của mình.



Nghiên viết thư gửi tố bảo vệ xin được để xe ở tầng 1 thay vì tầng 2, để có thể về đón con nhanh hơn (08.2015)

Sách Điều tra di cư năm 2015 nói rằng cứ 100 gia đình di cư tại Việt Nam thì có đến 13 nhà không thể duy trì việc học của con. Đó không hề là một nhiệm vụ dễ dàng, với tất cả chi phí đặt lên đồng lương của một nữ công nhân.

Mức lương phổ biến của nữ lao động di cư làm việc trong các nhà máy lắp ráp điện tử tại khu công nghiệp Bắc Thăng Long khoảng 7 triệu đồng/tháng. Thời gian làm việc 8 tiếng trong 5 ngày mỗi tuần, theo đúng luật lao động, chỉ cho phép họ nhận “lương tối thiểu vùng” - một khái niệm được chính phủ Việt Nam đề xuất hồi đầu thế kỷ với tiêu chí “đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tối thiểu” - được định giá là hơn 3 triệu một tháng với khu vực quanh Hà Nội. Để có được con số tổng kia, tất cả đều chấp nhận “làm ầu”, một cách gọi của overtime.

Giờ “làm ầu” là một con số không có giới hạn: bất chấp các quy định của Luật Lao động về số giờ làm thêm tối đa, các công nhân tình nguyện ký vào các bản thỏa ước cho phép nhà máy huy động họ bất kỳ quãng thời gian nào. Với phần lớn họ, “lương tối thiểu vùng” của chính phủ là một con số tượng trưng không có ý nghĩa thực tiễn, và họ khao khát được làm overtime càng nhiều càng tốt để duy trì cuộc sống và mơ một giấc mơ dành dụm.

Với những tuần Nghiên làm tối thì cuộc marathon rên rề hơn. Nghiên đón con về, chơi với con một lúc, dạy con học một lúc, rồi nấu cơm bằng bất cứ thứ gì còn trong tủ lạnh. Đôi lúc, bữa cơm chỉ có đậu phụ luộc với canh còn thừa từ bữa trước. Mẹ con bắt đầu mở cuộc “ăn thi” - để khuyến khích thằng Cò xúc cơm thật nhanh, trước khi Nghiên vào nhà máy. Lúc ấy, Cò được gửi lại cho những bà chủ nhà trọ cho đến khi mẹ về. Có người lấy công, vài chục nghìn đồng/buổi, có người thương, không lấy đồng nào.



Nghiên có một bộ quy tắc chi tiêu khắc nghiệt, với mức tiêu cho thực phẩm được tính toán chặt chẽ theo các khung giảm giá của siêu thị, đồ đạc trong phòng trọ được nhặt nhanh và vá víu bằng sự sáng tạo riêng của một người phụ nữ. Cô luôn có một khoản để dành, và sử dụng nó đầu tư tài chính theo phong cách Bắc Thăng Long: Nghiên đem tiền đi cho vay lãi.

Thỉnh thoảng, nhắc đến việc có một căn nhà, Nghiên lại khóc. Đó là một mơ ước không biết bao giờ mới có thể trở thành hiện thực. Những khu ký túc xá mà chủ đầu tư xây dựng cho công nhân không cho phép có trẻ con. Nghiên phải thuê nhà trọ - những căn phòng với giá tối thiểu nhất, cho sự tiết kiệm của hai mẹ con.

Người chồng cũ không đóng góp nuôi con, cha mẹ ở quê sau vài năm trông cháu cũng không còn tiện để nhờ vả, hai mẹ con tự lo cho nhau ở khu công nghiệp này. Nghiên có một số tiền tiết kiệm nhỏ, một khoản mà cô kỳ vọng sẽ đủ lớn để ngày nào đó mua được một mảnh đất ở quê. Nhưng cuộc sống của cô vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào cơ hội mà Bắc Thăng Long mang đến. Và những cơ hội đang cạn dần. Nhà máy của Nghiên đang “khuyến khích công nhân viết đơn xin nghỉ việc” - một hoạt động thường thấy ở các chủ đầu tư nước ngoài tại nhiều khu công nghiệp. Trong quy trình “đảo gói” này, những công nhân lâu năm sẽ được chủ nhà máy tìm cách cho nghỉ việc, để tuyển dụng các công nhân mới, những người dễ thoả thuận về chế độ đãi ngộ hơn, thậm chí là cho hưởng mức lương thử việc thấp hơn rất nhiều.





Những khoản dành dụm được từ nghiệp vụ cho vay lãi cuối cùng cho Nghiên tiến gần hơn đến việc có một chốn dung thân. Một ngày năm 2017, cô thông báo cho người viết rằng mình đã mua được một mảnh đất ở Ba Vì, cách trung tâm Hà Nội hơn ba mươi cây số. Mảnh đất không có sổ đỏ, Nghiên cũng chẳng mô tả được rõ nguồn gốc của đất, chỉ nói rằng nó có đất viết tay, và xung quanh người ta vẫn đang xây nhà cả.

Bằng sự xoay sở kiệt xuất, họ vẫn sống, vẫn tính toán cho tương lai bằng một trong những mức lương gia công thấp. Sự khác biệt không dễ nhận ra, là việc Nghiên đã luôn phải đứng trên một bờ dầu bắp bênh với nguồn lực của mình: việc cho vay lãi là một hình thức đầu tư đầy rủi ro và có thể mất tất cả bất kỳ khi nào; đến khi mua mảnh đất, cũng lại là một món tài sản chuyển nhượng bằng giấy viết tay, không biết giá trị pháp lý đến đâu.

Nhưng họ hài lòng. Mơ ước của rất nhiều nữ công nhân dưới những mái nhà trọ của khu công nghiệp này, là có thêm giờ làm overtime, để đi tiếp con đường họ đã chọn.

Nghiên thích xem bói, dường như không phải vì số phận trong tương lai mà vì được chia sẻ cuộc sống cùng cô đồng xem bói  
(07.2015)



Tri, nicknamed Co, always won his Mum  
in "eating competitions"  
(07.2015)

# The assembly of a single mom

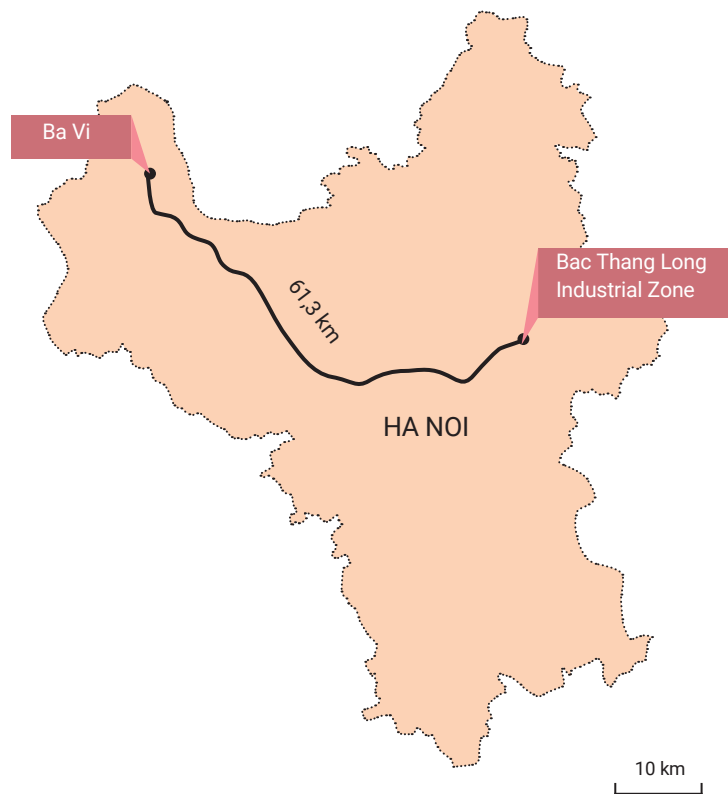
**O**n his fifth birthday, Co (“Stork”) asked for his mother’s permission to sing his favorite song. He listened to that song on TV and loved it but his mother forbade him to sing it. The song is called “Where are we going, Dad” - the title song of the famous reality show of the same name.

Co’s mother said yes. He sang cheerfully. Next to him, his mother pursed her lips so as not to cry. Co only knew that the song sounds good. He did not know how the song relates to his own situation. His father ran away a long time ago. Different from most workers of North Thang Long Industrial Park, who are unmarried young girls, Nghien is raising a small child. After a brief marriage, which ended when the husband left because of family pressure, for the past five years, she has been a single mother living among the shabby neighborhoods of this huge industrial park.

For several years, she sent her child to stay with her parents, but she could not stand it, and so she took her son to live with her in the tenants’ blocks near the industrial park. The lives of mother and son have ever since been a marathon that counts every minute, day after day.

When she first took her son to Ha Noi, Nghien sent Co to a kindergarten. 5.30 pm, when her shift ended, was also when the pre-school started to let





children go home. She could recount every minute from the moment the bell signaling the shift end rang, as she changed out of her uniform, rushed to the parking garage, started her moped and drove to the kindergarten in a hurry. “Every day I would keep track of every minute to run. Change, swipe the card to end the shift, run to the parking lot, everything took seven minutes”.

For every hour of late pick-up, the kindergarten charged parents 15,000 VND. Nghien did not want to lose that amount of money. In fact, the administrators also felt sorry for her plight and did not charge anything. But Nghien felt embarrassed and reluctant to accept such help from the school. Even her decision on where to park in the garage also makes for a story. Female workers must park on the second floor but if she followed the rule, Nghien would need a few more minutes and keep Co waiting. Thus, Nghien often avoided the security guard in order to leave her moped on the ground floor – which is reserved for pregnant women. Some sympathize, some do not. She took those couple of minutes so seriously that she even went to meet the factory managers to ask for permission to park on the ground floor but was refused.

In her spare time, Nghien tries to teach her child to learn. But she is no innate educator. She mostly depends on Youtube and the Internet package for workers. The service providers designed special low-cost packages for workers, with the offer being 3G packages, as their target customers, to those with limited access to means of entertainment. Thanks to that package, Nghien could show Co English teaching programs and other educational videos on her mid-range phone.



At weekends, sometimes Nghien and her Son visited her friends (07-2015)



The landlady who takes care of Co  
during his Mum's night shifts  
(07.2015)



The Migration Survey Report, 2015, showed that for every 100 migrant households in Viet Nam, 13 could not sustain their children's education. It is not an easy task, with all the costs that need to be covered by the low salary of a female worker.

The average salary of female migrant workers working in electronics assembly factories in North Thang Long Industrial Park is c. VND 7 million per month. The official working period of 8 hours a day, 5 days per week, according to Labor Law, only entitles workers to the "regional minimum wage" - a concept proposed by the Vietnamese government at the start of the 20th century to "ensure the coverage of essential living needs"- valued at a little more than VND 3 million a month for the area around Ha Noi. In order to get the aforementioned higher salary, workers must work a lot of overtime.

Despite provisions in the Labor Law on maximum overtime hours, workers voluntarily sign agreements allowing factories to mobilize them any time. For most, the regional minimum wage is a symbolic number of no practical significance, and workers aspire to do as much overtime as possible to sustain their lives and dream a savings dream.

During weeks when Nghien works night shifts, their marathon is more burdensome. Nghien picks up her son, plays with him for a while, then cooks dinner with whatever is left in the fridge. Sometimes, the meal consists only of boiled tofu and thin soup left over from the previous meal. The two will have an "eating competition" to encourage Co to finish his meal quickly, before Nghien leaves for the factory. Co will be left in the care of the property owners until Nghien returns. Some owners charge some dozen VNDs per time, but some will not charge anything out of sympathy.

Nghien follows a set of austere rules on spending. Food consumption is tightly calculated according to the discount schemes of the supermarkets, while the furniture pieces in her rented room have been assembled and patched with the woman's own creativity. She always sets aside some savings and uses the money in a method typical of North Thang Long: Nghien uses her savings to give loans.

Sometimes, when reminded of the prospect of having a house, Nghien cries. It is a dream that can never be realized. The dormitories that the investors build for workers do not allow children. Nghien has to rent a room in a laborers' neighborhood where rooms are at the minimum price as she has to save for both of them.

The ex-husband does not contribute to raising Co, while her parents in the countryside, after a few years of looking after their grandson, are no longer convenient to ask for help. Nghien and her son take care of each other in this industrial park. Nghien has a small amount of savings that she expects to grow big enough to buy a piece of land in her hometown someday. But her life still depends entirely on the opportunity that North Thang Long brings. And the opportunities are running out. Nghien's factory is "encouraging workers to write a resignation letter" - an activity often carried out by foreign investors in many industrial parks. In this "rotating" process, longtime workers will be arranged by employers to quit their jobs, so that the employers can recruit new workers who are easier to negotiate with on working and remuneration conditions and more likely to accept a much lower probationary salary.



The tight living space is arranged  
to be easy for usage.  
(07.2015)

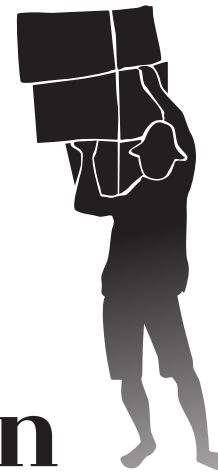


The savings from the lending business eventually brought Nghien closer to having her own place to live. One day in 2017, she informed the writer that she had bought a piece of land in Ba Vi, more than thirty kilometers from the center of Ha Noi. The land did not have a land use rights certificate. She could not describe the origin of the land but said that it had a handwritten land agreement and that people were still building houses around.

With extraordinary resilience, workers like Nghien live and still plan for the future despite earning low wages. Nghien has always had to tread a precarious line to manage her resources. Lending is a risky form of investment and she can lose everything at any time. Her land purchase was based on a handwritten transfer agreement of unknown legal value. But Nghien and Co are satisfied. The dream of many female workers under the roofs of this industrial park is to have more overtime to work, to continue on the road that they have chosen.



# Người điên trong thành phố



**M**ột ngày, Phạm Văn Trường thức dậy, và nhìn thấy cha anh đã treo cổ trên trần nhà. Ông có tiền sử bệnh tâm thần, đã chạy chữa nhiều năm. Nhưng Trường tự coi mình là nguyên nhân cái chết của cha. Anh kể rằng, ông đã buồn khổ nhiều ngày trước khi mất, khi thấy con trai không còn chí thú làm ăn, vật vờ trong khủng hoảng.

Trường đã từng là một nông dân suýt thành đạt ở Đắk Nông. Ở tuổi ba mươi, anh đã đủ nhạy cảm để chuyển một héc-ta rưỡi trồng cà phê của gia đình thành vườn tiêu, ở vào thời điểm thị trường tiêu mới sốt. Những bài toán tiền tỷ đã được vạch ra trong đầu, rõ ràng và tỉnh táo.

Nhưng rồi có người bạn đến, và giới thiệu với Trường một phương pháp làm giàu nhanh chóng, bền vững và nhân văn hơn: tham gia vào một hệ thống bán hàng đa cấp. Anh đến dự một cuộc diễn thuyết, rồi thành kính đi theo con đường làm giàu được những người lạ vạch ra.

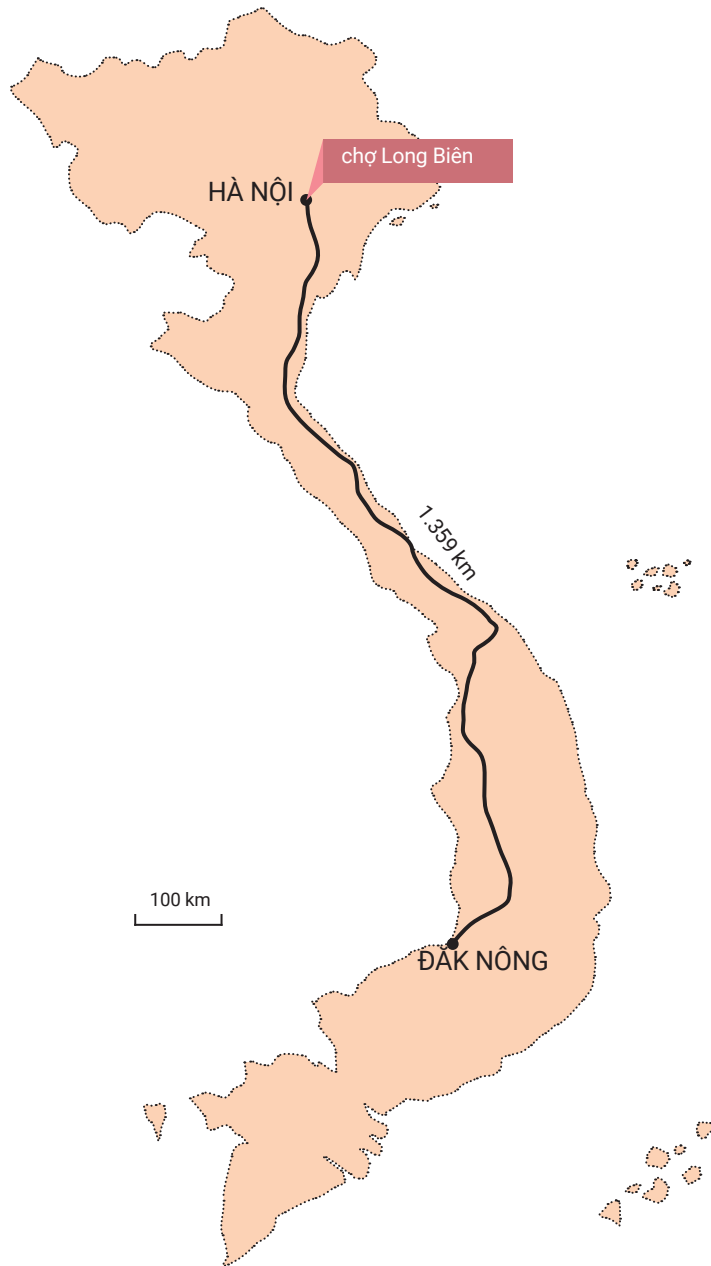


Trường đang bốc vác hàng  
ở chợ đầu mối Long Biên  
(06.2015)





Chợ Long Biên, nơi Trường làm việc  
(06.2015)



Trường bỏ vườn tiêu, đi theo “hệ thống” nửa năm. Vườn tiêu bỏ hoang, nhưng thu nhập từ hệ thống chỉ vón vện vài triệu đồng mỗi tháng. Trường lâm vào một cuộc khủng hoảng tinh thần nặng nề. Cha anh không tỉnh táo, nhưng vẫn giao cảm được nỗi buồn của con trai. Hai cha con cứ u uất dưới một mái nhà, rồi người cha quyết định ra đi.

Mai táng cha xong xuôi, Trường bỏ nhà đi. Anh quyết tâm đi chết. Dừng lại ở nhiều hiệu thuốc, mua mỗi nơi một ít thuốc an thần, rồi đi sâu vào trong rừng uống hết - anh định thế là kết thúc cuộc đời mình. Nhưng vốc thuốc không đủ công hiệu. Anh tỉnh dậy, lết ra bìa rừng, hái trộm một quả thanh long ăn, và rồi lại nhủ lòng sẽ sống tiếp. Ở một nơi thật xa những nỗi buồn.

Năm 2016, khi bộ ảnh này được thực hiện, Phạm Văn Trường đang là một nhân công bốc vác ở chợ Long Biên, Hà Nội. Anh bắt đầu những ngày sống ở Hà Nội bằng công việc bốc vác trong làng nhựa Triều Khúc, rồi phiêu bạt đến chợ Đồng Xuân, và gần bó lâu nhất với chợ đầu mối rau quả Long Biên.

Những người bốc vác ở chợ đầu mối Long Biên sống theo thời gian biểu ngược với phần còn lại của thành phố: họ thức dậy vào cuối giờ chiều, ăn một bữa cơm bụi giá mười lăm nghìn, hay cao hơn chút ít theo thời giá. Bảy giờ tối, Trường bắt đầu vào ca.

Những nhân sự của đội bốc vác chợ Long Biên được tuyển dụng và lãnh đạo bởi một “cai đầu dài” - một kiểu diễn đạt của từ “đại ca”. Luật lệ và công xá được quyết định một chiều bởi người chủ thầu này. Trường may mắn được làm việc dưới quyền một “cai đầu dài” dễ tính - người cho phép các tác giả của loạt ảnh được tiếp cận.

Tiền công của Trường được cai chấm theo khối lượng hàng từng ngày làm việc, nhưng được lấy vào cuối mỗi tháng. Tùy khối lượng hàng bốc dỡ, mỗi tháng thu nhập của Trường dao động trong khoảng từ 7 đến 10 triệu đồng. Có một giai đoạn, anh tuyệt đối tin tưởng vào sự ổn định của công việc này. Thậm chí khi người bạn cùng phòng trọ có ý định bỏ nghề, anh còn bỏ công thuyết phục.

Mỗi đêm, có cả nghìn tấn hoa quả đi qua chợ Long Biên - chợ đầu mối rau quả chính của Hà Nội. Phần lớn khối lượng đó, đi qua vai của Trường và đồng nghiệp. Đội bốc vác của anh Trường có 12 người, “bao thầu” toàn bộ khu vực bốc dỡ hàng từ cổng chợ đến gầm cầu Long Biên. Một ngày làm việc kéo dài từ 9 giờ tối đến 5 giờ sáng, chen vào bằng những quãng nghỉ, đội bốc vác ngồi nằm trên bờ đê Yên Phụ chờ chuyển hàng mới. Họ ngủ trên đê, nhưng không bao giờ đắp chăn, kể cả mùa Đông: sợ nằm ẩm quá, ngủ quên mất, Trường giải thích.

Người đối diện sẽ rất khó đi sâu vào nội tâm của Trường. Ánh mắt của anh không có nhiều dung lượng thông tin, giọng nói chậm, lối diễn đạt đơn sơ. Người mới gần, sẽ dễ nhìn nhận rằng anh là một người ngờ nghệch. Và niềm tin đó sẽ nhân lên, sau những cuộc nói chuyện đầu tiên: bằng một logic nào đó, anh vẫn tin vào hệ thống đa cấp ngày xưa. Anh nhận thức rõ, và nói rành mạch, rằng chính đa cấp đã làm cuộc đời mình đến hôm nay, rằng việc cha anh treo cổ khi xưa, là vì anh đã tham gia vào hệ thống ấy. Nhưng tất cả là bởi vì anh đã làm sai cách, anh chưa hiểu hết chiều sâu nhân văn của đa cấp. Bây giờ anh sẽ làm lại.

Trường ăn tối trước giờ làm việc  
(7.2015)





Trường chăm sóc anh Dũng  
(07&08.2015)

Mỗi tháng, tiền nhà trọ và tiền ăn chỉ hết chừng 3 triệu đồng, số tiền còn lại Trường lại đầu tư cho “hệ thống”. Những buổi “đại hội thành công”, những chương trình quảng bá sức mạnh sản phẩm, Trường vẫn theo dõi say mê và tin rằng mình có thể thay đổi được số phận nhờ vào triết lý của “hệ thống”.

Đi đâu, gặp ai, anh cũng say mê tiếp thị về giá trị của những sản phẩm mà mình đang bán. Những buổi “đại hội thành công” tổ chức ở tỉnh xa, Trường cũng xin nghỉ việc cắt công đi, mua vé vào cửa rồi ăn chực nằm chờ để nghe diễn thuyết.

Nhưng có những khi Trường làm cho người quan sát cảm thấy mình nhỏ bé. Đó là khi anh đi qua một người điên trên phố.

Ở phía sau đê Yên Phụ, dưới gầm một cầu thang lên xuống, ngày ấy, có anh Dũng - một người điên. Anh làm tổ dưới đó bằng một mớ những thứ giẻ sẫm màu, và cười với người đi ngang. Trường rất thương anh Dũng điên. Anh mua cơm cho anh Dũng ăn. Mỗi cuối tuần, anh đưa anh Dũng vào khu trọ để tắm gội, rồi ngồi tỉ mỉ trên cầu đi bộ vắt ngang qua đê, cắt móng tay cho người điên ấy. Có những ngày không còn tiền trong túi, Trường ra gặp anh Dũng, rồi xin lỗi vì không thể mua cơm cho anh hôm nay.

Và có những khi, gạt đi sự vương vীu không thể diễn đạt với hệ thống đa cấp, Trường khiến người ta giật mình vì sự mạch lạc. Đó là một buổi hội thảo năm 2016 về chính sách Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Người viết chạy lên đê từ 6h sáng, đón Trường đến dự hội thảo. Anh là một hạt phản vật chất giữa lòng cuộc tụ họp của các trí thức:





ở phía trên, là các chuyên gia chính sách công, nhà báo nổi tiếng, luật sư có danh, đại diện trong ngoài nước của các tổ chức phi chính phủ. Họ đang bàn về các bất cập của hệ thống bảo hiểm xã hội Việt Nam trên góc độ pháp lý. Trường ngồi đó, đơn thuần với tư cách của một người cả đời không bao giờ biết “bảo hiểm xã hội” là gì. Anh vẫn giữ lớp vỏ ngỡ ngàng - của một người tàn hình.

Rồi micro được đưa đến cho Trường. Người điều phối giới thiệu anh là một “lao động tự do” ở chợ Long Biên. Anh đứng dậy, nói không nhanh, nhưng rõ ràng. Rằng hôm nay, em mới lần đầu tiên được biết rằng người bốc vác như em cũng có thể mua bảo hiểm xã hội, có thể có lương hưu. Nếu có lương hưu thì tốt quá, anh bảo, nhưng người lao động như anh, buổi chiều thức dậy rồi đi làm, sáng lại về ngủ, không được tiếp cận với thông tin, cũng không biết làm thế nào để tham gia. Rồi anh đề xuất chính sách, thứ mà tưởng mặc định thuộc về những người có bằng tiến sĩ ngồi trên kia: làm thế nào, để những người như em có thể biết được đến những chuyện này.

Trường trở thành trung tâm của cuộc hội thảo ngày hôm ấy. Giờ nghỉ, ngoài hành lang, tất cả các camera và máy ghi âm bao quanh Trường. Rất ít khi, những người này được nghe khuyến nghị chính sách từ một người bốc vác chợ Long Biên.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam những năm sau này vẫn hoạt động như cách nó đã làm, bằng phí bắt buộc từ đội ngũ lao động chính thức có hợp đồng, và chưa định vươn tay tới chợ Long Biên. Trường cũng tiếp tục cuộc lưu lạc để tìm kiếm lại cả quá khứ lẫn tương lai của mình. Anh bỏ chợ, đi học nghề nấu cơm chay, rồi một dạo, bỏ vào miền Trung tìm một ngôi chùa để xin tu. Hình như sư thầy không nhận cho Trường tu, năm ngoái lại có tin anh đã quay lại Hà Nội. Cũng không biết, anh còn đi tìm lời giải về hệ thống đa cấp đã bẻ lái đời mình hay không.

# Mad man in the city

One day, Pham Van Truong awoke to the sight of his father hanging by a rope from the ceiling. His father had been coping with mental illness for years. Truong considered himself the cause of his death. He recalled that his father had been drowning in distress for a long time before his suicide, seeing that his son had lost interest in doing business and reeling from the crisis.

Truong was on the verge of becoming a successful farmer in Dak Nong province. At the age of thirty, he was agile enough to turn 1.5 hectares of his family's coffee area into pepper gardens, at a time when the pepper market had experienced a surge in prices. His mind, alert and clear, was filled with plans for projects worth billions of VND.

But then came a friend who introduced Truong to a new way to get rich, faster, more sustainably and more humanely, by participating in a multi-level marketing system. He attended a workshop and then assiduously followed the road to prosperity outlined by strangers.

Truong left his pepper gardens to follow the "system" for half a year. Whilst the gardens were deserted the monthly income from the marketing system was a mere few million VND. Truong fell into a severe mental crisis. His father was not always alert, but he could feel the agony of the son. The two men shared the angst under one roof until the father decided to take his life.





Truong is at work in Long Bien market  
(06.2015)

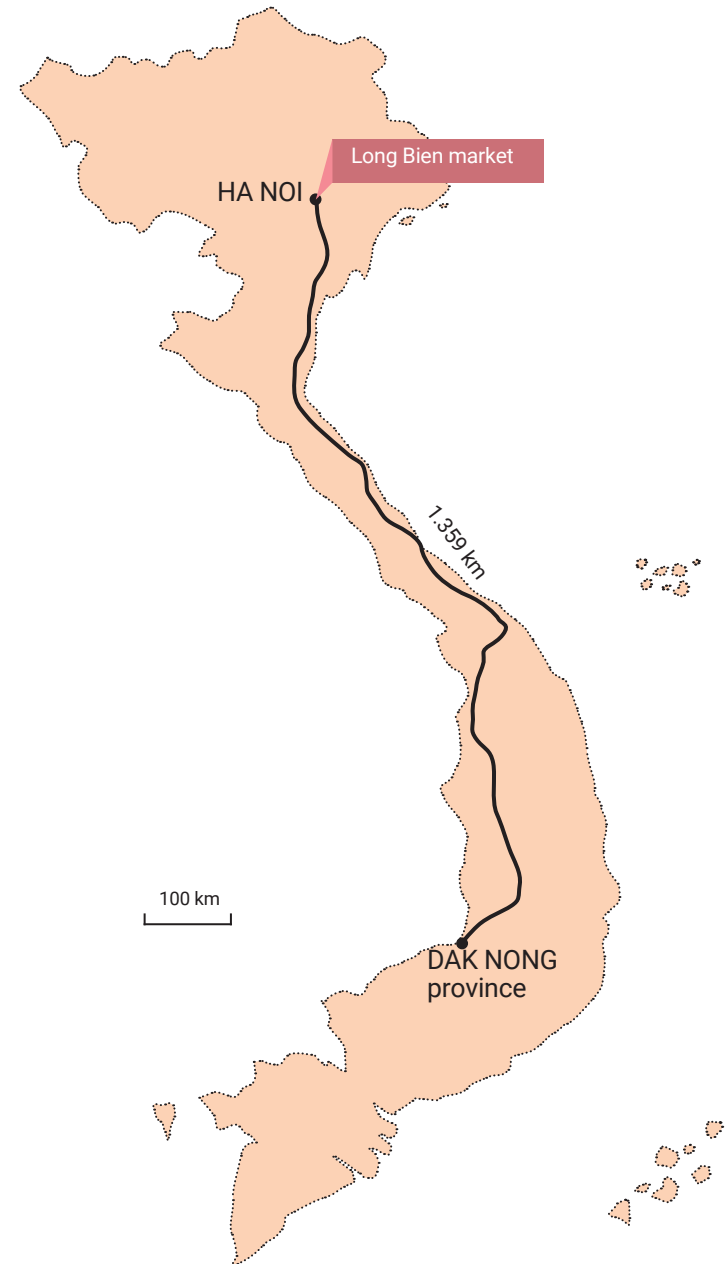
Having taken care of his father's funeral, Truong left home. He was determined to end his own life. He stopped at several pharmacies, buying one dose of sedatives at a time and went deep into the forest to shove all of them down his throat - that was how he planned his suicide. But the dose was not strong enough. He woke up, crawled to the edge of the forest, stole and ate a dragon fruit, then told himself to continue living. Somewhere far away from these pains.

In 2016, when this photo series was set up, Pham Van Truong was a porter at Long Bien market, the major wholesale market in Ha Noi. He started his days loading and unloading merchandise in Trieu Khuc plastic village, wandered to Dong Xuan market, and settled for the longest period in Long Bien wholesale fruit and vegetable market.

The porters at Long Bien wholesale market live on a timetable contrary to the rest of the city. They wake up in late afternoon and eat a roadside meal that costs c.15 thousand VND. At 7pm, Truong started his shift.

The personnel of the Long Bien market porter team are recruited and led by a "long head" - a variant of the word "big brother" - anika. Rules and payments are single-handedly decided by this contractor. Truong was fortunate to work under an easy "big brother" who granted access to the authors of this series.

Truong's wages were calculated according to the volume of work each day but paid at the end of each month. Depending on the volume of unloaded goods, Truong's monthly income



ranged from 7 to 10 million VND. At one point, he absolutely believed in the stability of this work. Even when his roommate intended to quit his job Truong made an effort to convince him to stay.

Every night, thousands of tons of fruit and vegetable circulate via Long Bien. Most of it touched the shoulders of Truong and his colleagues. His porter team had 12 people and covered all the loading area from the market gate to Long Bien under-bridge area. A working day lasted from 9pm to 5am, with in-between breaks when the team sat and lay on Yen Phu dyke bank to wait for the next shipment. They slept on the dyke but never covered themselves, even in winter: Fear of feeling too warm and oversleeping, Truong explained.

Whoever sits opposite Truong would have difficulty looking deep into his mind. His gaze does not convey much information, his voice is slow, his expression simple. New acquaintances will be quick to think of him as a fool. That assessment would be supported in conversations with him. For some reason he still believed in the multi-level marketing system. He was well aware and articulate about the pathway that led his life to what it had become. But he clung stubbornly to the thought that it was because he had done things the wrong way and had not fully understood the multi-level marketing approach. He would do it again.







Truong is cleaning shoes for guests  
(10.2015)

Every month, his rent and food costs only amounted to about 3 million VND; the rest of his income was invested into the “system”. Truong fervently followed every “success story conference” and product power promotion event, convinced that he could change his destiny thanks to the philosophy of the “system”.

Wherever he went, whoever he met, Truong would enthusiastically talk about the values of the products he was selling. He frequently took his days off to go to the “success conferences” held in distant provinces.

Behind Yen Phu dyke, on a stair, there was Dung, a mad man. He made his nest there from a bunch of dark colored cloths and smiled at passers-by. Truong felt compassion for Dung and acted on it. He bought him food and, every weekend, would take Dung to the laborers’ neighborhoods to take a shower and would sit on the passenger overpass to meticulously cut the mad man’s finger nails. On days when he had no money, Truong would still go to meet Dung and apologize for being unable to buy rice for him that day.

And sometimes, setting aside his on-going entanglement with the multi-level marketing system, Truong startled people with his coherence. There was a workshop in 2016 on Viet Nam’s social insurance policy. The writer went to the dyke at 6am to take Truong to the workshop. He was an outsider in the midst of public policy experts, journalists, lawyers, representatives of international and local non-governmental organizations. They were discussing the inadequacies of the

Vietnamese social insurance system from a legal perspective. Truong sat there, as someone whose life long vocabulary never incorporated “social insurance”. He evinced the shell of a fool - of an invisible person.

Then, the microphone reached Truong. The facilitator introduced him as a “freelance laborer” in Long Bien market. He stood up and spoke in a steady but clear manner. He said that he knew for the first time that day that a porter like him could also join the social insurance scheme and get a pension. “It would be great to have a pension”, he said, “but workers like me spend our days waking at dusk and working until dawn, without access to information, not knowing how to participate in the scheme.”

Truong became the focus of the workshop that day. During the break, in the lobby, all the cameras and recorders surrounded Truong. Rarely did these people get to hear about policy recommendations from a porter in Long Bien market.

Viet Nam’s social insurance funds have been derived from compulsory payments by workers in the formal sector; those with a labor contract. The system has yet to reach Long Bien market. Truong continued his quest to find both his past and future. He left the market, learned how to cook vegetarian food, then went to the central region of the country to try to become a Buddhist monk. Apparently, the monastery did not accept Truong and he is believed to have returned to Ha Noi last year. It is not known if he is still looking for an answer to the multi-level marketing system that swerved his life.



**Đồng không  
bóng ruộng**

Khúc sông ông Tấn từng đánh cá  
nhiều năm trước  
(08.2015)

Cánh đồng lớn xã Đồng Lương chỉ có màu trắng bạc của nước mênh mông. Quanh bờ, chỉ điểm thêm màu hồng thắm của những đám trứng ốc bươu vàng để trên cành cây dại. Ngoài mấy bìa mộ nổi lên trên mặt nước, không có dấu vết con người. Người thành phố không biết nhiều về đồng ruộng, đi qua sẽ không tưởng tượng, đây là đất, không phải hồ.

Cánh đồng trứng mỗi năm chỉ cấy được một vụ. Nửa năm còn lại, sông Hồng nhấn chìm nó trong màu bạc của nước. Đã lâu rồi, 20 năm về trước, một vụ là đủ thóc ăn cả năm. Thiếu nữa thì người làng bơi ra cánh đồng mà đánh cá, lên đồi nhặt ít củi. Nhưng rồi đến một ngày, cá cũng hiếm, và thóc từ một vụ lúa cũng không còn đủ ăn nữa, người Đồng Lương bắt đầu phải bỏ xứ đi làm ăn.

Kể từ lúc ấy, dân xã này sinh ra là đã trở thành những người di cư. Và không biết từ lúc nào, có lẽ cũng từ đận ấy, người làng phát hiện ra rằng có một nghề trong phố kiếm ăn được, mà chưa ai làm nhiều. Đây là nghề trông bệnh nhân thuê trong các bệnh viện. Người già người ốm nhiều, nhưng người thân người quen thì ít hoặc ít ỏi thời gian. Rủ rê nhau, bây giờ cả trăm người làng cùng đi xuống Hà Nội trông bệnh nhân thuê, tản mát khắp các bệnh viện. Già trẻ trai gái đều có.







Cảnh đồng làng Đông Lương  
(08.2015)

Ông Tấn đã làm nghề ấy 11 năm. Ngày trước, ông cũng ở làng, đi đánh cá trên sông. Nhưng rồi cá cũng không còn mấy. Ông dạt xuống Hà Nội, làm thuê trong cảng Phà Đen. Môi trường phức tạp: những người công nhân không rượu chè cũng cờ bạc, vay mượn lẫn nhau rồi quỵt nợ. Mấy năm làm ở đấy, ông Tấn không để ra được một đồng nào. Ông theo người làng vào viện Việt Xô.

Mỗi năm ông Tấn gặp vợ hai lần, cho dù họ ở trong cùng một thành phố. Ông làm việc ở bệnh viện Việt Xô - đất vàng của nghề trông bệnh nhân thuê, nơi có những cụ cán bộ về hưu con cái đã khá giả đủ nhiều để bố mẹ được chăm sóc cẩn thận và để không có thời gian trực tiếp làm việc ấy. Vợ ông làm ở bệnh viện Đống Đa, đã chăm sóc một “khách hàng” quen từ hơn năm nay. Họ sống cách nhau 5,3 km trong thành phố này, nhưng chỉ gặp nhau ở quê, một lần vào ngày giỗ bố, và một lần vào ngày Tết.

Ba trăm nghìn một ngày, lịch làm việc chính thức là 23 tiếng trọn vẹn, trừ một vài quãng bệnh nhân nghỉ ngơi, hay khi có người thân vào đảo qua chút ít. Họ không có thời gian để gặp nhau: khi người này có ngày nghỉ thì người kia đang bận làm, và có vẻ cũng chẳng có lý do gì. Hai đứa con đã lớn. Thằng cả đã học xong nghề lái máy cơ khí và đi làm. Con gái út đã học xong đại học và lấy chồng ở Thái Nguyên.

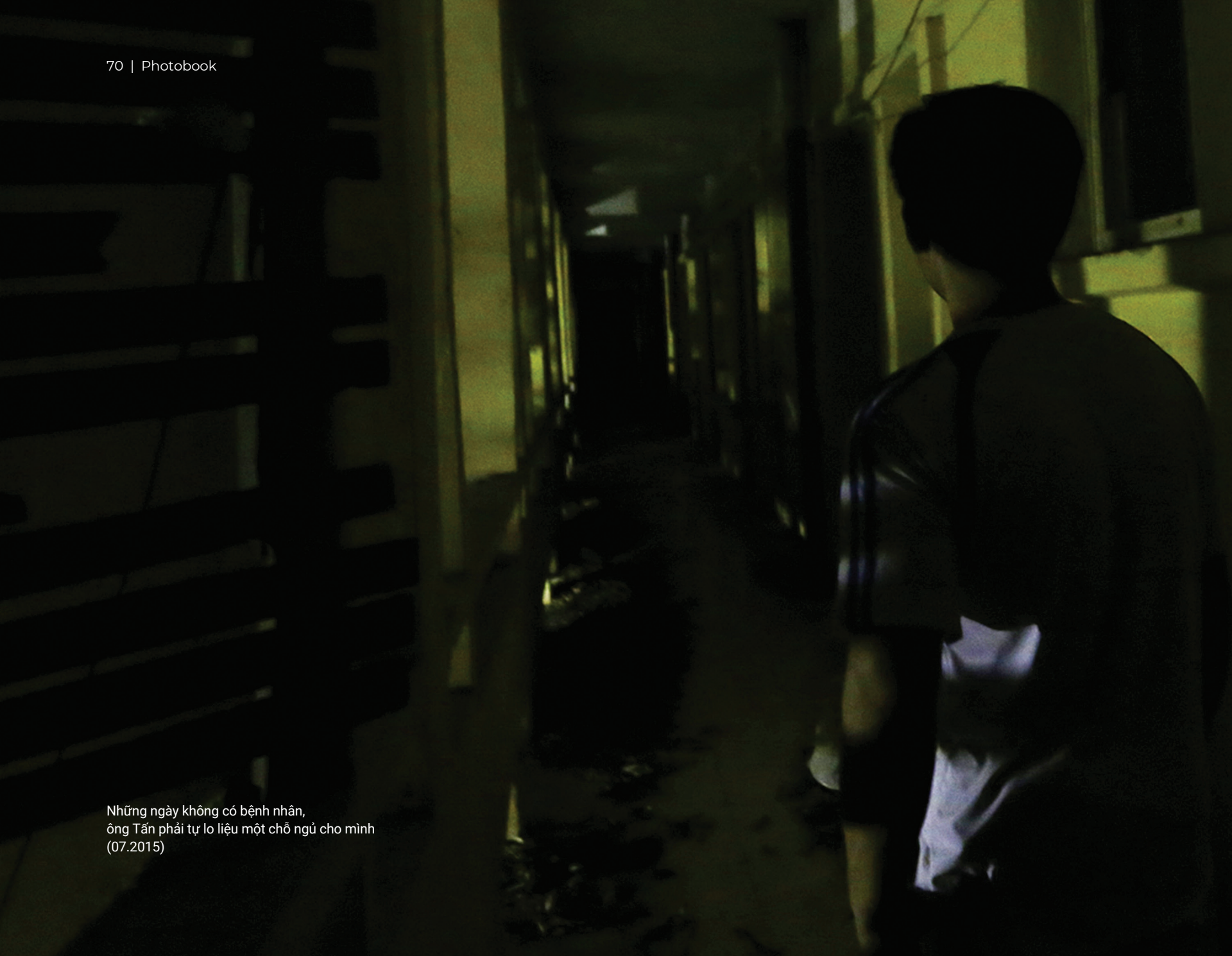
Họ đã sống với nhau trong cùng thành phố hơn chục năm nay, nhưng chưa một lần có một mái nhà. Những người trông bệnh nhân không thuê nhà. Họ sống luôn trong bệnh viện. Khi nào có bệnh nhân, thì kê giường xếp nằm ngủ ở hành lang của khoa hoặc cạnh giường bệnh. Khi nào không có khách, thì lang thang trong những góc tối của bệnh viện



tìm một chỗ khuất nẻo, không bị bảo vệ phát hiện, rồi đặt lưng. Nếu bị bảo vệ đuổi, họ lại lục tục kéo nhau sang bệnh viện khác, tìm chỗ nằm. Tắm giặt thì đã có nhà tắm công cộng trong bệnh viện. Họ đã sống thay phần cuộc sống trong bệnh viện của những người nhà bệnh nhân.

Trên ngọn cây bàng nhỏ trong sân bệnh viện Việt Xô, ngay trước cửa khoa cấp cứu, có dất mấy cái chiếu nhỏ. Đó là “ngăn giữ đồ” của những người trông bệnh nhân thuê. Thỉnh thoảng, lại có người đến rút cái chiếu ấy xuống, đi tìm chỗ

Những ngày không có bệnh nhân,  
ông Tấn phải tự lo liệu một chỗ ngủ cho mình  
(07.2015)



ngả lưng. Chỗ đấy, với mấy cái ghế xi măng quanh gốc bàng, là cái “chợ người” riêng của bệnh viện Việt Xô. Họ sạch sẽ, chín chu, khỏe mạnh, không mang dáng vẻ của những “chợ người” ngoài phố.

Những người như chú Tấn, đã làm lâu năm và có uy tín, chẳng mấy khi hết việc. Cứ bệnh nhân này gối đầu lên bệnh nhân kia. Nhưng phần lớn cộng đồng, không bao giờ có đủ việc cả tháng. Có người cứ quần quanh ngồi dưới gốc cây bàng trong sân viện đến mười ngày, chờ đợi từng chuyến xe cấp cứu ra vào.

Làng vắng hoe. Chú Tấn bảo bây giờ trong làng có người già chết, sợ không có người khiêng quan tài. Thanh niên và người còn sức đều đã đi xa làm ăn hết.

Mẹ ốm, ông Tấn về nghỉ một tháng. Hai vợ chồng đều ở dưới Hà Nội, các cháu cũng đi làm ăn, bà cụ ở nhà yếu, chính ông - người đi trông người nhà cho thiên hạ - lại phải thuê người trong làng chăm sóc, sang ngủ cùng phòng lúc trở trời. Mỗi lần về quê như thế, ông Tấn lại loay hoay bày ra tìm cách sửa sang nhà cửa. Mấy gian nhà trống hoác không người, nhưng trong sân vẫn có đồng gạch và ngói chờ đợi. Kiếm ra mấy đồng, con cái cũng đã lớn, ông cũng chẳng biết làm gì ngoài bày vẽ ra sửa sang cái nhà ở quê - cái nhà hai vợ chồng gặp nhau mỗi năm hai lần.

Ông Tấn đã có tuổi, và chắc cũng chẳng theo nghề này được bao năm nữa. Nhưng ông chẳng nghĩ ra được cách nào khác để đảm bảo tuổi già, ngoài việc cứ bày ra những đồng gạch, dựng chuồng gà, lát sân, gia cố thêm căn nhà trống.

# Fields without paddy

**T**he rice fields of Dong Luong commune are covered by a silver-white immensity of water. Scattered around the edges is the dark pink colored apple snail eggs laid on the branches of wild plants. Beside the tombstones emerging from the water, there is no trace of humans. City passengers who do not know much about the paddy fields will not be able to imagine this as land rather than a lake.

The swampy field only cultivates one crop a year. For the remaining half of the year, the Red River engulfs it in the silver color of water. Twenty years ago, a single crop provided enough rice for the whole year. Villagers would also swim in the field to catch fish and go to the hill to collect firewood. But then fish numbers declined and the single rice crop was no longer enough to feed them. So Dong Luong people began to leave their land to find work.

Ever since, the people of this commune have been born to become migrants. Villagers discovered that there were jobs in the city that paid quite well, looking after patients in hospitals.



The field in Dong Luong village

Tan sleeps near patients' bed  
(07.2015)

There are many elderly people and sick people but relatives and acquaintances may be few in number or short of time. The villagers encouraged each other, and now hundreds of them have gone to Ha Noi to be hired as patient caregivers, spreading spread across the many hospitals. Both men and women, young and old.

Mr Tan has worked in this job for 11 years. He used to stay in the village, going fishing in the river. But then the fish were no longer there. He moved to Ha Noi and worked as a laborer in Pha Den port. The environment was complicated: his fellow workers were either alcoholics or gamblers, always borrowing each others money and avoiding paying back debts. During his years working there, Mr. Tan could not save anything. He followed his fellow villagers to the Viet Nam-Russia Friendship ("Viet Xo") Hospital.

Mr Tan only meets his wife twice a year, even though they both live in Ha Noi. He works at the Viet Xo hospital – there are many pensioners whose children are wealthy enough to care for their parents properly but have little time to do that directly. His wife works at Dong Da hospital and has been serving a regular "client" for more than a year. They live 5.3 km apart in this city, but only meet twice in their hometown every year, once on the death anniversary of their fathers, and once on the Lunar New Year.

They get earn VND 300,000 a day. They do not have time to meet each other: when one has a day off, the other is





busy, and there seems to be no reason to meet. Their two children are grown-ups. The oldest son finished his training in mechanical machine operation and has a job. The youngest daughter finished college and got married in Thai Nguyen province.

For a decade, they have lived together in the same city, but never under the same roof. The caregivers do not rent rooms. They live in the hospital. When there is a patient client, they put a folding bed in the hallway of the department or beside the patient bed. When there is no patient, they wander in the dark corners of the hospital looking for a hidden place, undetected by security, to take naps. If they were chased by security officers, they would move their whole group to another hospital, finding a place to sleep. For personal hygiene, a public shower area in the hospital is available. They live the hospital life, on behalf of the patients' relatives.

Under the branches of the almond tree in the yard of Viet Xo hospital, in front of the emergency department, some small mats are placed. They are the “lockers” of the caregivers who look after the patients. Occasionally, someone comes to move the mats and find a place to nap. That space, together with a few cement benches at the base of the tree, makes for a “human market” unique to the Viet Xo hospital. The space is clean, tidy and healthy, unlike “human markets” on the streets.

People like Mr. Tan, who have worked for a long time and have good reputations, rarely run out of jobs. One patient comes right after another. But for most of his community,

they never have enough work for the whole month. Some people just hang around the tree in the yard for days, waiting for each ambulance to enter and exit.

The village is deserted. Tan is afraid that if some old man in the village dies, no one will carry a coffin. Young people and people who still have strength have left for job opportunities.

When his mother was sick, Mr. Tan took a month off and went home. His mother is weak and alone at home. He himself - the person who looks after the family members of strangers - has to hire people in the village to take care of her and sleep in the same room with her when she is under the weather. Every time he returns to his hometown, Tan struggles to repair his house. The rooms are empty, but there are bricks and tiles waiting in the yard. He earns money but his children are already grown-ups, and does not know what to spend his time on other than repairing the house where he and his wife only meet twice a year.

Tan has aged and probably will not continue with his work for many years more. But he cannot think of any other way to fill his later days, aside from piling up bricks, setting up a chicken coop, paving the yard, and strengthening an empty house.

Tan takes care of patients in the hospital  
(07.2015)







**Bên cuối**



**O**anh và Vịnh sống trong một căn phòng trọ 12 mét vuông ở ngõ 121 Lê Thanh Nghị. Họ đã sống cùng nhau ở đây 5 năm, trong một khu thường được gọi là “xóm chạy thận Lê Thanh Nghị”. Phần lớn cư dân của xóm này là những bệnh nhân đang chạy thận ở bệnh viện Bạch Mai - cách đó chưa đầy một cây số.

Oanh bắt đầu chạy thận ở Bạch Mai kể từ khi còn là một cô bé 17 tuổi. Cô đã sống bám vào cái bệnh viện này 10 năm. Những người suy thận phải “chạy thận” - một cách diễn đạt khác của quá trình lọc máu bằng máy - 3 lần mỗi tuần, và không thể rời xa bệnh viện. Những cộng đồng “chạy thận” vì thế mà hình thành quanh các bệnh viện lớn.

Nghề mưu sinh chính của Oanh từng là bán nước chè rong trong bệnh viện. Một công việc bất hợp pháp. Chính sách của bệnh viện Bạch Mai không cho phép các hàng rong hoạt động. Cuộc mưu sinh là một cuộc lẩn trốn, thậm chí là nguy trang: Oanh tìm mọi cách để tránh những người bảo vệ, đeo khẩu trang, mặc áo dài tay,... để họ không nhận ra rằng mình là bệnh nhân chạy thận đang lén vào







Oanh lấy ven chạy thận tại bệnh viện Bạch Mai  
(7.2015)



viện ngoài giờ điều trị để kiếm ăn. Những người bảo vệ biết điều đó. Bệnh nhân chạy thận sẽ tìm mọi đường mưu sinh quanh cái viện này. Và họ có những đặc điểm nhận dạng rất dễ thấy. Cánh tay của người chạy thận nổi lên những cục u lớn, da vàng và mắt xám.

Ngày trước, Oanh còn bán nước bằng ấm tích sứ. Nhưng mỗi lần bảo vệ bắt được, họ đập nát ấm tích ấy. Sau đó, cô chuyển sang bán nước bằng bình nhựa. Vịnh làm cho Oanh một lớp xốp quấn quanh chiếc bình nhựa, biến nó thành cái phích giữ nhiệt.

Thu nhập của họ không ổn định. Sức Oanh đã yếu dần qua nhiều năm chạy thận. Bây giờ ngay cả việc di chuyển quãng đường mấy trăm mét từ nhà trọ ra bệnh viện với Oanh cũng là một nhiệm vụ khó khăn. Cô thường phải dừng lại, ngồi xuống, thở dốc giữa đường.

Oanh vô tình quen Vịnh qua một người bạn chung tám năm trước. Cảm mến nhau, họ chuyển đến sống cùng ở ngõ 121 Lê Thanh Nghị này từ thời điểm đó. Vịnh mắc một căn bệnh khó phẫu thuật, một chân không thể co duỗi, việc đi lại rất khó khăn, công việc vì thế cũng chẳng ổn định. Có những thời gian dài Vịnh thất nghiệp nằm nhà, Oanh là người lo kinh tế chính. Hai người muốn trở thành vợ chồng,



Một góc nhỏ xóm chạy thận 121 Lê Thanh Nghị  
(07.2015)



nhưng chưa thể vì hoàn cảnh, vì bệnh tật, vì cả gia đình hai bên không muốn: nhà Oanh “không muốn Vịnh phải khổ” vì chẳng biết còn sống được bao lâu nữa; nên họ chấp nhận trạng thái hiện tại.

Thu nhập cả tháng của Oanh, cộng thêm tiền lương học việc mà Vịnh đang nhận từ một studio ảnh cưới, thỉnh thoảng đủ để họ tồn tại.

Hơn một trăm bệnh nhân thận sống trong ngõ 121 Lê Thanh Nghị tạo thành một cộng đồng. Mỗi người một xuất phát, một lứa tuổi, nhưng căn bệnh gắn kết họ lại ở một bến đậu. Nó mang đến sự kiệt quệ về cả sức khỏe, tài chính lẫn tinh thần. Sức lực yếu, khả năng lao động của những con người này rất hạn chế.

Ngoài việc phải sống bám vào khu vực quanh bệnh viện, họ chỉ có thể làm những công việc phổ thông như đánh giày, rửa bát, bán rong,... Nhà phải đi thuê, thuốc men không phải lúc nào bảo hiểm xã hội cũng chi trả được toàn bộ, gia sản ở quê cứ dần khánh kiệt.

Thỉnh thoảng Oanh khóc, khi nghĩ đến tương lai: sức khỏe của Oanh ngày càng yếu đi, còn những người xung quanh, các thành viên khác của xóm chạy thận này, thỉnh thoảng lại bỏ Oanh mà đi. Mới trước Tết nguyên đán ít ngày, chú Chung, một người hàng xóm vui tính, bất ngờ đột quỵ rồi mất. Chỉ trong một mùa Đông, đã có 5 người ra đi như thế. Oanh hay nghĩ đến cái chết, rồi buồn bã.

Có một ngày, Oanh ngồi trên giường với tôi, rồi dùng bút bi viết lên tường một ngày tháng. Thầy bói bảo em không sống được qua ngày này, Oanh kể. Nước mắt chảy ra. “Có sợ chết không?”, tôi hỏi. Oanh nói như tự dặn lòng, em không sợ, vì chết đi được gặp nhiều người thân ở thế giới bên kia.

Những đoàn từ thiện đến rồi đi, đôi khi trao tặng những món quà mà cũng không biết cư dân xóm thận có thực sự cần hay không. Những người ốm không ăn uống được mấy, nhưng các đoàn từ thiện hay cho đồ ăn. Gạo được cho thừa tới mức có người kể rằng họ phải đi bán lại.

Hỏi Oanh bây giờ cần gì, cô bảo là có lẽ cho người dân xóm thận thuốc men là thứ quan trọng nhất, vì bảo hiểm y tế không lo được hết. Oanh thường xuyên đau nhức đến mức không ngủ được. Cô ngủ ít, người ngày càng yếu đi. Chúng tôi xoay sở, nhờ mua được một ít thuốc ngủ chỉ bán theo đơn, dấm dúi đưa Oanh.

Ở xóm chạy thận, người ta tránh nhắc đến tương lai xa. Nhưng ngay cả tương lai gần, của những ngày mưu sinh trước mắt, cũng là một điều khó khăn để nghĩ đến.

Oanh trong buổi chụp ảnh cưới  
do ekip thực hiện Photobook này tặng  
(08.2015)





Oanh after weekend holiday  
(7.2015)

# The final destination

**O**anh and Vinh live in a 12 square meter room on lane 121, Le Thanh Nghi. They have lived together for five years, in a neighborhood commonly known as 'Le Thanh Nghi kidney running village'. The majority of residents in this neighborhood are patients undergoing haemodialysis in Bach Mai hospital which is less than 1km away.

Oanh started her treatment for kidney failure in Bach Mai hospital when she was just 17 years old. She has been living on this hospital for 10 years. Those with kidney failure have to go 'kidney running', an expression for blood filtering using a machine, three times a week. So they cannot stay far from the hospital. Communities of 'kidney running' patients gradually develop around big hospitals.

Oanh's main source of income was to sell tea in the hospital, illegal work because Bach Mai Hospital does not allow street vendors to operate. Earning her livelihood was a constant game of hide-and-seek. Oanh would strive to avoid the guards by wearing masks and long-sleeved shirts so that they did not realize that she was a dialysis

patient who was sneaking into the hospital outside of treatment hours to earn a living. But the guards knew. Patients needing dialysis will find a way to earn a living. And they have easily identifiable features. Their arms have large lumps, their skin is yellow, and their eyes are grey.

Their incomes are not stable. Oanh's health has deteriorated gradually through years of dialysis. Now, even moving for a few hundred meters from her rented room to the hospital is a difficult task. She usually has to take breaks, sits down, and gasps for breath in the middle of her walk.

Oanh got to know Vinh through a mutual friend eight years ago. Falling for each other, they decided to live together. Vinh suffers from a condition for which it is hard to get surgery: one of his legs cannot stretch, his mobility is limited, so his work is not stable. For a long time, the unemployed Vinh stayed home and Oanh was the main breadwinner. They wanted to become husband and wife but could not because of their circumstances and illnesses, and because the two families did not want them to. Oanh's family "did not want Vinh to suffer" because they did not know how long she could live for; so they accepted the current state.

Kidney patients in lane 121 Le Thanh Nghi  
gathered to celebrate New Year Eve  
(02.2016)





Oanh is afraid of weekend nights when the water in  
her body is high: She cannot sleep and feels tired  
(07.2015)



Oanh's monthly income, plus the apprenticeship allowance Vinh receives from a wedding photo studio, are sometimes sufficient for their existence.

The more than one hundred kidney patients living in Lane 121 Le Thanh Nghi form a community. Each person has her/his own background and age but the disease binds them to the same dock. It brings exhaustion in both health, finance and spirit. With such poor health, their capacity to work is very limited.

In addition to relying on the area around the hospital, they can only do menial tasks such as shoe polishing, dishwashing, street vending, etc. They must rent accommodation; their treatment expenses are not always covered entirely by social insurance; their wealth in their hometown gradually run out.

Sometimes Oanh cries, thinking about the future. Her health is getting ever worse and the people around her, the other members of this kidney patient community, occasionally leave her. Just a few days before the Lunar New Year, Uncle Chung, a humorous neighbor, had a stroke and passed away. In just one winter, five people left just like that. Oanh often thinks about death and grieves.

One day, Oanh sat on the bed with me, then wrote one date on the wall with a ballpoint pen. "The fortune teller said that I will not live past this date", Oanh told me. Her tears flowed. "Are you afraid of dying?" I asked. Oanh said she told herself that she was not afraid because she would be able to meet many relatives in the afterlife.



Charity groups come and go, sometimes giving gifts without knowing if this community really needs them or not. Sick people do not eat much, but charitable groups often give food. Rice was given so copiously that some people said they had to resell it.

When asked what she needs now, Oanh said that perhaps giving medicine for the community is the most important thing, because health insurance cannot cover it all. Oanh often suffers from such pain that she cannot sleep. She sleeps less, her body gets weaker. We managed to buy some sleeping pills that were sold only by prescription to give Oanh in secret.

In this dialysis neighborhood, people avoid mentioning the distant future. But even the near future, the days of immediate living, is a difficult thing to think about.

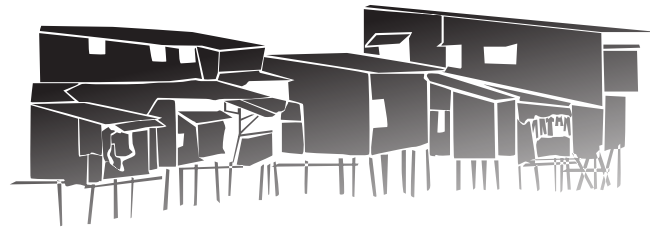
Oanh is walking home at late night  
after hours of selling tea  
(07.2015)





Chú thích ảnh:





# Phức hợp nhà ven sông



Nhiều sản phẩm  
tại các chi  
nhánh

**Y VANG**  
TESMART

**ĐẠI MỪNG NGÀY**  
**2/9**

**vinatexmart**  
đồng hành cùng hàng ngàn

**ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

**LỄ TỔNG KẾT DỰ ÁN BIG CỘNG ĐỒNG**  
**"KẾT NỐI NHỮNG TRÁI TIM"**

**SALT MA**

**ĐẠI MỪNG NGÀY**  
**2/9**

**Y VANG**  
TESMART

**ĐẠI MỪNG NGÀY**  
**2/9**

**vinatexmart**  
đồng hành cùng hàng ngàn

**ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Sơn hắt nước lên mái nhà để chống nóng  
(07.2015)



**B**ãi Giữa là tên không chính thức của một doi đất được hình thành đầu thế kỷ 20, khi sông Hồng tạo ra một nhánh nhỏ chia đôi một khoảng đất bồi lớn ra khỏi “lục địa” Hà Nội. Nhánh nhỏ chỉ rộng vài mươi mét, nhưng tạo thành một biên giới, khiến Bãi Giữa trở thành một không gian biệt lập so với nội đô, nơi ken đặc các mái nhà, lấn chiếm xây dựng ồ ạt ngay cả ngoài đê sông Hồng.

Lịch sử dân cư của Bãi Giữa đã bắt đầu từ đầu thế kỷ 20. Người ta có thể tìm thấy trong các tác phẩm văn học về thời kỳ trước Cách mạng tháng 8, mô tả những người ngụ cư sống quanh cầu Long Biên.

Cộng đồng hiện tại, đã hình thành và trở nên ổn định khoảng hơn hai mươi năm trở lại đây. Sau nhiều biến động, gồm cả một đợt cưỡng chế quy mô của chính quyền đầu thế kỷ, họ giờ sống trong những căn nhà nổi trong một vũng nước sâu nằm trong lòng Bãi Giữa. Họ tự gọi mình là “Xóm Bãi”.

Sơn và Ngân là cư dân Xóm Bãi. Quê Sơn ở Hà Nam, còn gia đình Ngân đã sống 17 năm trong căn lều nổi nơi Bãi giữa này. Hai vợ chồng lấy nhau, rồi nhặt nhanh dựng một lều nổi nữa cạnh nhà mẹ vợ, tam đại đồng đường.

Mỗi căn nhà như thế này, dựng mất chừng 30 triệu đồng: mua thùng phuy, vừa mua vừa xin gỗ cốp pha, tấm cốt, được 15 mét vuông nổi lênh bênh trên vũng - “vùng đất” không có chính chủ, nằm trên những thùng phao để dăng theo mùa nước nổi.

Sơn làm nghề giao hàng. Gia đình có một chiếc xe cub cũ. Ngày trước, Sơn giao hàng cho công ty bánh kẹo, lương mỗi tháng được 4 triệu đồng. Mấy năm trước, công việc có thăng tiến: Sơn được nhận vào một công ty sản xuất tằm, vẫn chạy xe lòng vòng khắp phố để bỏ mối tằm, nhưng lương đã tăng lên 7 triệu một tháng. Ngân giữ một “lốt” trên cầu Long Biên, để bán ngô nướng và nước chè. Dạo trước, hai vợ chồng buổi tối cũng chăm chỉ lên cầu bán nước kiếm thêm, nhưng từ đầu năm nay, đứa thứ 3 ra đời, Ngân cũng không lên cầu nữa.

Hai vợ chồng có hai đứa con gái đẻ sát nhau. Năm ngoái, “cố đần” thêm đứa nữa, cả họ trông chờ, lại ra con gái. Cái nhà 15 mét vuông giờ có ba đứa trẻ con. Những đứa trẻ sinh ra ở dưới bãi, sống bên dòng nước lạnh đầy muối vắt, vì lý do nào đó, không mấy khi ốm. Vì Sơn vẫn giữ hộ khẩu ở quê, nên những đứa trẻ làm được giấy khai sinh đăng hoàng, khác với nhiều đứa ra đời ở nơi bãi giữa này, được đi học trường công. Hai vợ chồng, loay hoay nhặt nhanh, cũng đủ nuôi con, không đói. Ngân cũng bày biện ra đủ thứ nghề, khi chưa đẻ đứa thứ hai

còn nhận đan len thuê, giờ tận dụng chỗ đất gần bờ để nuôi chó, nuôi gà vịt.

Cuộc mưu sinh biến tấu liên tục. Mỗi mùa Trung thu, hai vợ chồng lại vay mượn một hai triệu đồng làm vốn, ôm vào dăm chục món đồ chơi, bày ra một điểm ngay giữa phố Hàng Mã buổi tối để kiếm chút lời. Phố cổ Hà Nội ngày Trung thu đầm không khí lễ hội, bong bóng xà phòng bay trong ánh đèn màu và những tiếng người. Thỉnh thoảng, một chiếc xe tải của công an khu vực lừ đừ đi ngang qua phố, những người bán hàng rong vội vàng nhắc “quầy hàng” của mình lên chạy, để rồi tụ họp lại đúng vị trí cũ ngay sau đuôi chiếc xe. Họ đã quen với các quy luật hành pháp của thành phố này. Một khung cảnh tương tự với các lực lượng chức năng, đã diễn ra nhiều năm với những quán nước bán trên cầu Long Biên như Ngân từng duy trì.

Đó là một cộng đồng gắn bó: hầu hết những người già đã sống ở đây trên dưới hai thập kỷ. Họ xuất thân đa dạng, nhưng đến cuối, đều coi nơi này là nhà chính thức của mình - không phải một nơi trú tạm khi lạc bước mưu sinh.

Những căn nhà không cố định. Có những ngày mưa bão, cây đổ quăn đi. Có năm, chính quyền tổ chức cưỡng chế. Dân Bãi Giữa vẫn hay kể về đợt truy quét năm 2004. Năm ấy, có người trên bờ xuống bãi ăn cắp, bị truy đuổi, nhảy xuống sông chết đuối. Chính quyền xuống đuổi dân bãi đi, đốt cả cái “nhà” của ông Được ở đầu xóm. Nhưng rồi họ vẫn bám trụ lại, giấu từng cái thùng, từng tấm phên, ăn ở trong lau lách, và dựng lại xóm.



"Lót" bán nước trên cầu Long Biên  
của vợ chồng Sơn (đứng)  
(7.2015)



Đại gia đình Sơn ăn cơm chiều  
(08.2015)



Lâu dần, chính quyền phải thỏa hiệp: dân Bãi được ở lại, nhưng phải chuyển hết những nhà nổi vào cái vũng cạn bên trong, phải đăng ký tạm trú với phường Ngọc Thụy bên kia sông, phải tự quản lý người ra kẻ vào. Bãi Giữa - trở thành một đơn vị hành chính không chính thức từ đây - thậm chí dân cư đã đi bầu cử được hai lần.

Nếu nhìn vào khung cảnh xóm bãi, theo một khuôn mẫu ngôn ngữ thông thường, sẽ dễ dàng gọi nó là “khu ổ chuột”. Lịch sử hình thành của Xóm Bãi, là một phần lịch sử của Hà Nội - nơi từng được gọi là Ké Chợ (Chợ Lớn) - với dòng lao động di cư đã chảy qua nhiều thế kỷ, tạo ra nhiều mảnh văng: những người không thực sự mất hẳn cơ hội tồn tại ở thành phố này, nhưng cũng không thể tìm thấy một cuộc mưu sinh bình ổn với tất cả những khắc nghiệt nó mang lại.

Tuy nhiên, ít có kênh truyền thông nào gọi Bãi Giữa là một “khu ổ chuột”: nhìn sâu vào bên trong, ở đó vẫn thấy những gia đình với giao thức cơ bản của một gia đình. Nhà Sơn-Ngân sống tam đại đồng đường. Bà Mai, mẹ Ngân sống trong căn nhà bên cạnh. Cả gia đình mới đề nghị xóm cho dựng thêm một nhà nổi nữa, cho Hà - em gái Ngân - mới lấy chồng. Đám cưới vẫn diễn ra với những nghi lễ thông thường: đám đón dâu đi từ trên cầu xuống bãi, với đủ mâm tráp, qua những tấm ván rồi bước vào nhà xin dâu. Trên bờ, những bàn nhựa được xếp trên bãi mời cơm khách.

Bằng khen của hai đứa trẻ con treo đầy trong căn nhà. Chúng không được nuôi dạy cầu kỳ như nhiều đứa trẻ bên kia dòng sông. Cha chúng, Sơn thậm chí còn không đọc thông viết thạo: một trận ốm hồi nhỏ khiến anh phải bỏ học sớm. Nhưng những đứa trẻ được truyền tải một ý chí đầy đủ về việc sẽ phải vượt ra khỏi nơi này, bằng những con đường chính quy.





Tuấn, em cọc chèo của Sơn với tấm ảnh cưới mới chụp  
(09/2015)



Son's daughters are swimming near  
their "house"  
(07.2015)

# Riverside Complex

**M**iddle Island is the unofficial name for a small stretch of land that formed at the beginning of the 20th century when the Red River created a small branch separating a vast area from the ‘continent’ of Ha Noi. The small branch is only a few dozen meters wide, but it acts as a border that isolates Middle Island from the inner city whose landscape is crammed with house roofs and construction works sprawling all the way to the Red River dyke.

The habitation history of Middle Island dates to the early 20th century. In the literature depicting the period before the August Revolution, one can find descriptions of the temporary residents living near Long Bien bridge.

The present community was formed about more than 20 years ago and has been stabilizing ever since. After much turbulence, including a series of substantial government coercions at the beginning of the century, residents now live on floating houses in a deep pond in the heart of Middle Island. They call themselves Xom Bai (“Island Village”).

Son and Ngan are residents of Xom Bai. Son’s hometown is in Ha Nam province, while Ngan’s family has been living on a floating hut on this island for 17 years. The two married and gathered material to build a floating hut next to Ngan’s mother, living the “three generations sharing space” family life.



Building each hut costs about 30 million VND. Son and Ngan had to buy plastic barrels, material for formwork for slabs and metal sheets, to build a 15 square meter floating structure - a “plot of land” without legitimate ownership, relying on floats to rise and fall with the seasonal water level.

Son works as a shipper. The family has an old Honda Cub motorcycle. In the old days, Son delivered for a confectionery company, earning VND 4 million per month. A few years ago, his work situation improved: he was employed by a toothpick production company. He still had to zigzag all over the city to deliver toothpicks, but his salary was rose to VND 7 million per month. Ngan reserves a “slot” on Long Bien Bridge to sell grilled corncobs and green tea. The two used to diligently spend the evenings on the bridge selling drinks, but the birth of a third child at the beginning of this year meant that they stopped doing this work.

The couple had had two daughters who were born close to each other. Last year, they tried for a boy that the extended family was expecting but ended up having another girl. The 15-meter square house now has three children. The children, who were born on the island next to the cold water plagued with mosquitoes and leeches, for some reason rarely get sick. Son retains his household registration in his hometown, so his children have birth certificates and can go to public schools, unlike other children born on the island. The couple struggle to get by but manage to raise their children and do not go hungry. Ngan has all kinds of jobs: she knitted for money before having the second child, now she makes use of land on the shore to raise dogs, chickens and ducks.

Their sources of their livelihood varies constantly. For every Mid-autumn festival, the couple borrows a few million VND to buy a dozen kinds of toys, and sets up a small stall in the evening in the middle of Hang Ma street to sell them. On this occasion, the old quarter of Ha Noi is filled with festivity, soap bubbles flying amidst colored lights and sounds of people. Once in a while, when a truck load of local police lurches across the street, the street vendors swiftly lift their “stalls”, run and hide, only to come back to the very same spots right behind the police truck. They are familiar with the rules of law of this city. Such a scene, in which the public security force plays a similar role, has been witnessed for years by the shops, like Ngan’s, that sell drinks on Long Bien bridge like Ngan’s.

Middle island is a close-knit community: most of the old people have lived here for around two decades. They came from diverse backgrounds but consider this place their official home, not just a temporary shelter resulting from their missteps in life.

The houses do not stay in one place. There are rainy and stormy days when fallen trees sweep them away. Some years, the authorities crack down on them. Middle island people still talk about the raid in 2004.





Before sleeping  
(10.2015)

That year, people on the shore went down to the island to steal, were chased, jumped into the river and drowned. The authority chased away the island people, even burned Duoc's 'house' on the edge of the neighborhood. They clung on, hid every barrel, every plank, took shelter in the bushes and rebuilt the community. Gradually, the government had to compromise: the Middle Island people were allowed to stay, but they had to move all the floating houses into the inner shallow pond, register for temporary residence with Ngoc Thuy ward across the river, and manage the resident flows themselves. Middle Island has been an unofficial administrative unit ever since - the community member has even voted twice.

If you look at the neighborhood, it is easy to call it a 'slum'. The formation of Xom Bai is part of Ha Noi's history - the city once known as Ke Cho (Big market) - characterized by flows of migrant workers through the centuries. Yet for many migrants, whilst the economic benefits are there finding a stable place to live has proved beyond their reach.

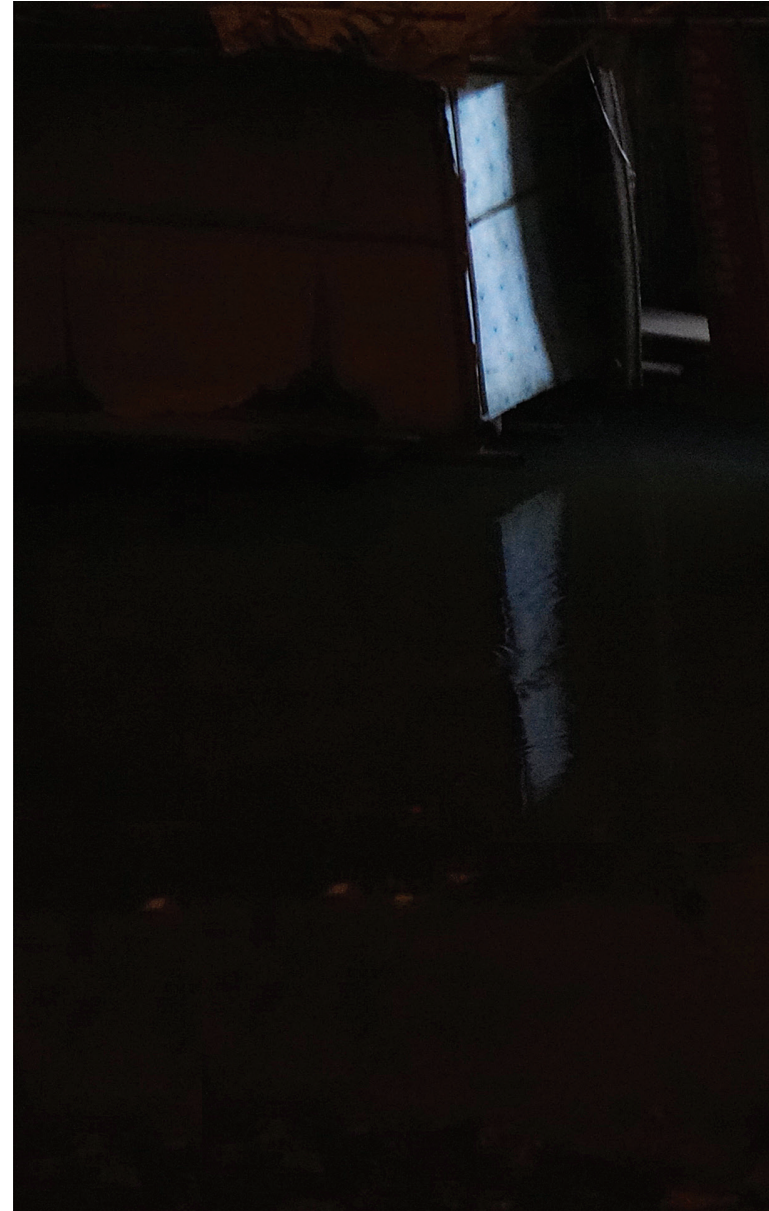
Few media channels would dare to call Middle Island a slum: if one takes a deep look inside, most residents follow the basic protocol of a family. The Son-Ngan household has "three generations sharing one pot". Mrs. Mai, Ngan's mother, lives in a house next door. The family recently asked the community's permission to build another floating house, for Ha - Ngan's sister - who has just got married. The wedding took place with the usual rituals: the bride's reception went from the bridge to the island, with various



Son is washing clothes at weekend  
(07.2015)

gifts and offerings, crossed the planks and entered the house to ask for the bride. On the shore, plastic tables were arranged for the guest reception.

Certificates of merit earned at school by the two children hang everywhere in the house. They are not though raised in the more sophisticated manner of children on the other side of the river. Their father, Son, cannot even read properly: a childhood illness made him drop out of school early. But the children are imparted with a strong will that they will have to get out of this place, using official manners.





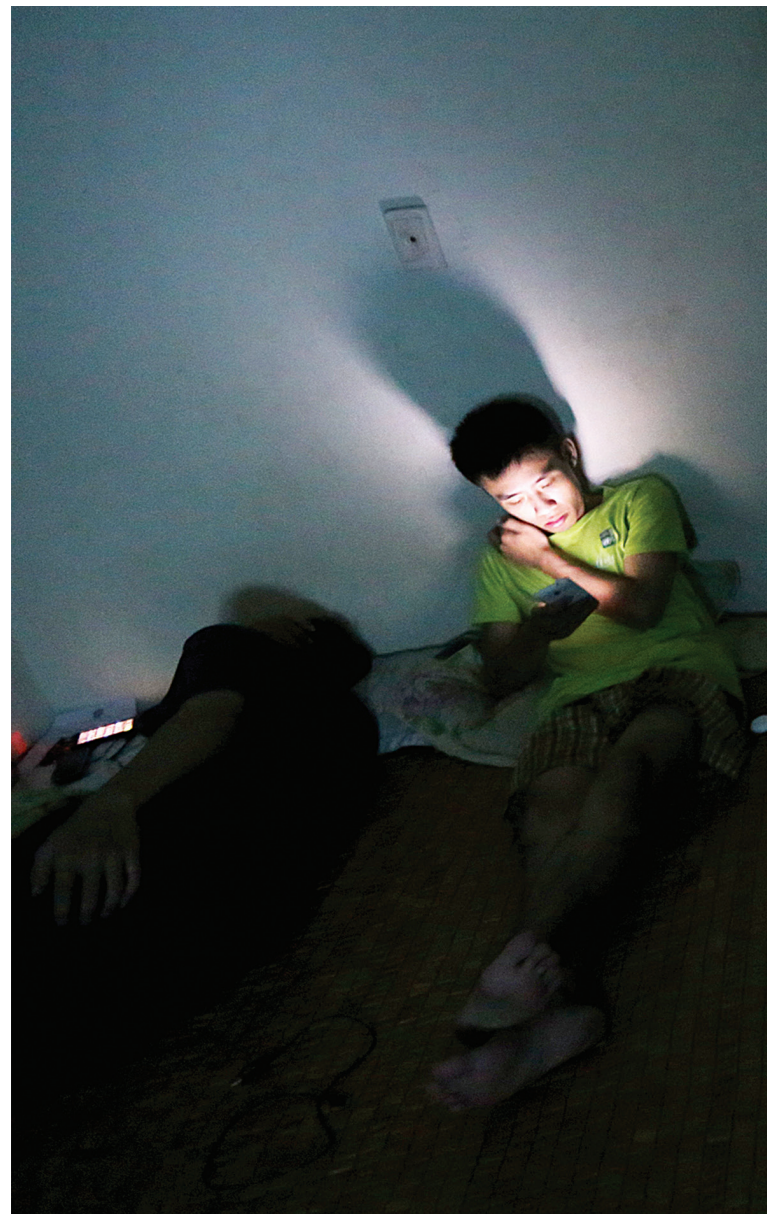


# Người nằm dưới



**N**gười ta có thể viết một bài báo về Chung với bất kỳ cách đặt vấn đề nào, chúng đều trở thành đề tài thời thượng. Đó là một người đồng tính nam; một người từng bán dâm; một cậu sinh viên bỏ học đại học để theo đuổi ước mơ trở thành một đầu bếp; một thanh niên mất kết nối với gia đình và loay hoay trong cuộc tự tồn tại giữa Hà Nội.

Nhưng trên hết, Chung là một người thẳng thắn. Khi chúng tôi lần đầu tiên gặp chàng trai nhỏ người này vào năm 2015 - cậu khẳng định rằng mình có thể chia sẻ mọi điều, không có gì để giấu diếm. Từ phía những người viết và chụp ảnh, tự chúng tôi nuôi dưỡng một định kiến xã hội vào những gì gọi là “nhạy cảm”. Chuyện của Chung “nhạy cảm”, người viết đã nghĩ. Nhưng sự chân thật và thái độ tự tin của Chung khi nhìn vào cuộc đời mình thuyết phục ngược chúng tôi rằng chuyện của Chung là những điều bình thường như nghìn điều mà tuổi trẻ phải trải qua.



Căn phòng trọ Chung thuê cùng một  
người bạn thân từ nhỏ tại Hà Nội  
(08.2015)





Chung hẹn hò cùng một người bạn  
(8.2015)



Chung từng là một sinh viên của Cao đẳng du lịch Hà Nội. Đó là thời gian mà cậu bắt đầu bán dâm. Mẹ đã mất, không có kết nối với cha vì vấn đề tính cách, Chung tự tìm cách nuôi thân ở Hà Nội. Cậu tìm “khách hàng” trên những diễn đàn riêng dành cho người đồng tính, và thỉnh thoảng đi khách với giá từ 200-300 nghìn đồng/lần. Chung làm việc không nhiều, bởi nhu cầu chi tiêu gần như không có. Tháng nào tiêu nhiều, Chung chỉ hết hơn 2 triệu đồng. Cậu tham gia vào công việc này, một phần để duy trì cuộc sống, một phần cũng bởi nhu cầu tình dục của bản thân: Chung là một “bottom” – một người đồng tính nam thích đóng vai trò bị động trong một cuộc giao hoan; hay dịch nghĩa đen, là một người nằm dưới.

Tất nhiên, không có công việc nào là không có thử thách. Có những khách hàng tình cảm, nhưng cũng có những vị khách thích bạo lực và sự hành hạ.

Chung chỉ bán dâm một thời gian ngắn, rồi quyết định bỏ học và theo đuổi công việc mà cậu mơ ước: trở thành một đầu bếp. Chung không để cuộc đời “trượt dốc” theo cách mà nhiều người nghĩ về một thanh niên quyết định bán dâm: cậu vẫn trăn trở với tương lai, tham gia nhiều nhóm hoạt động thanh niên, và dự các buổi hội thảo hướng nghiệp, với chủ đề “Có nên bỏ học Đại học hay không?”. Chung bỏ học, bắt đầu chuỗi ngày lang bạt đi làm phụ bếp cho các nhà hàng. Đầu tiên là một quán lẩu; rồi đến một nhà hàng sushi Nhật; cuối cùng cậu kết thúc ở một chuỗi đồ ăn Nhật nổi tiếng trong thành phố. Lương hơn 3 triệu đồng, được nuôi ăn bữa trưa – với Chung như thế là một cuộc sống ổn định.

Nhưng ước mơ trở thành một đầu bếp thì xa vời. Ở những nhà hàng ấy, không ai dạy Chung trở thành một đầu bếp: những quy trình chế biến đã được công nghiệp hoá, chỉ cần một vài thao tác cơ bản của phụ bếp, là đã trở thành bữa ăn dọn lên cho khách. Việc đào tạo một đầu bếp chuyên nghiệp, vẫn cần một khoá học bài bản chứ không thể hình thành ở những nhà hàng này.

Người đầu tiên mà Chung thú nhận giới tính của mình, là chị gái. Rồi chị nói với mẹ. Đó là hai người phụ nữ duy nhất mà Chung gần gũi. Họ chấp nhận, bởi xu hướng giới tính của cậu đã bộc lộ từ rất sớm, khi còn là một đứa trẻ thích mặc đồ con gái. Nhưng mẹ bệnh rồi mất, chị gái có gia đình riêng không quan tâm được nhiều đến em, Chung tự loay hoay trong mỗi rạn nứt với cha - người mà đã lâu rồi Chung không trò chuyện, chỉ lờ mờ đoán rằng ông đã biết.

Những tình yêu của Chung không bền lâu. Chúng để lại nhiều đau đớn. Khi chúng tôi gặp nhau, Chung kể nhiều về M., một chàng trai Hà Nội lịch lãm. Tình yêu thuở ban đầu đẹp đẽ, họ kỷ niệm từng tuần từng tháng ở bên nhau. Chung nói với M. về quá khứ của mình - như hầu hết những người quanh cậu - và M. hoàn toàn chấp nhận điều ấy - như hầu hết những người quanh cậu. Chung thích nấu nướng, hay sang nhà M. nấu cho cả gia đình ăn. Mẹ M. cũng chấp nhận tình yêu ấy. Nhưng rồi đến cuối cùng, M. nói rằng Chung sống bản năng, còn M. là một người thích sự chẵn chu và ổn định. M. thương Chung nhiều hơn, vì hoàn cảnh gia đình, vì không ai chăm sóc, tạo ra một con người hoang dại - nhưng không chấp nhận được như một bạn tình. Chia tay, Chung níu kéo không được.

Chung trên cầu Long Biên  
(01.2016)









Chung trò chuyện cùng mẹ  
(08.2015)

Sau M., chúng tôi không trò chuyện nhiều hơn về những tình yêu của Chung. Lần cuối cùng đề cập đến chủ đề ấy, Chung kể về một người thành đạt và có vị trí cao trong xã hội. Chuyện cũng không bền. Cậu dường như yêu ai cũng hết mình, nhưng sự hết mình không bảo đảm được tương lai.

Chung làm ở quán Nhật không bao lâu thì bố gọi về, đề nghị đi học trung cấp Y. Bố Chung làm ngành Y tế dưới Thái Bình, muốn hướng con vào chỗ mình có thể lo được. Lang bạt mãi, đuổi theo mục tiêu trở thành đầu bếp một thời gian và đối mặt với những tuyệt vọng, cuối cùng Chung đồng ý.

Bây giờ Chung cũng không theo nghề của bố, vẫn đang chạy đi chạy lại giữa các công việc trong ngành dịch vụ trên phố cổ. Những hoài bão và trăn trở của hai năm về trước cũng không thấy xuất hiện nhiều. Điều quan tâm lớn nhất của chàng trai, vẫn là một mối tình đẹp đẽ và lâu bền. Đến cuối cùng, điều Chung cảm thấy thiếu nhất, vẫn là sự thương yêu.

Có một chuyện vài năm trước, Chung dặn tôi đừng viết ra. Đây là giai đoạn cậu làm việc ở một nhà hàng lẩu tầm cỡ. Đến bữa khuya, thỉnh thoảng đám phục vụ có lấy mấy miếng thịt bò trong bếp để cho vào bát mì mình ăn. Chung bảo chuyện này không được kể.

Chuyện bán dâm thì Chung cho tôi kể, nhưng chuyện lấy mấy miếng thịt bò thừa thì không. Tôi cảm thấy đây là một điều rất quan trọng về con người ấy, và vẫn quyết định viết ra ở đây.



Chung is at his rented room

# The bottom

One can write an article about Chung under any title and make it trendy. It will be about a gay man; a sex worker; a student who left college to pursue his dream of becoming a chef; or a youngster who lost connection to his family and struggles to survive in Ha Noi.

But above all, Chung is straightforward. When we first met this lithe man in 2015, he assured us that he could share everything and had nothing to hide. As writers and photographers, we have nurtured in ourselves a social bias towards so-called 'sensitive matters'. The story of Chung was sensitive, thought the author. But Chung's sincerity and confidence in reflecting on his own life convinced us that his story is as normal as thousands of things that young people must go through.

Chung was a student at Ha Noi Tourism college. That was when he started selling sex to support himself in Ha Noi. His mother had died and he had no connection with his father because of his personality. He looked for clients on on-line forums for gays, and occasionally exchanged sex for 200-300 thousand VND. Chung did not need to work much because his spending was almost nothing. He would



Chung is working in a brasserie in Ha Noi old town  
(10.2015)

spend at most 2 million VND in a month. He participated in sex work, partly to sustain his life, partly because of his sexual needs: Chung is a “bottom” - a gay man who likes to play a submissive role during sexual situations, literally who lies on the bottom.

Of course, no job is without challenges. There are sympathetic clients, but also those who like violence and abuse.

Chung only worked as a sex worker for a short time, then decided to quit college and pursued the job he had always dreamed of, becoming a chef. He had not let his life go ‘down-hill’ in the way that many assume will happen to a young man selling sex. He continued to contemplate his future, joined youth activity groups and attended vocational seminars on the theme of “Should I quit college?”. Chung dropped out of college and commenced long days of wandering from one restaurant to another to work as a kitchen assistant. First, it was a hotpot shop, then a Japanese sushi restaurant - he ended up at a famous Japanese food chain in the city. The monthly salary of more than VND 3 million, plus a lunch allowance, was sufficient for a stable life.

But his dream to become a chef is far-fetched. In such restaurants, nobody taught Chung to become a real cook: the cooking processes have been industrialized and only need a few basic steps to be done by the assistants







Chung and his all belongings after 8 years living in Ha Noi (07.2015)

to prepare meals. The training of a professional chef still requires a formal course, which cannot be supported by these restaurants.

The first person whom Chung 'came out' to was his sister. Then his sister told his mother. Those two were the only women Chung was close to. They accepted him, as his sexual orientation was clear from a very young age, when he preferred to wear girls' clothes. But his mother got sick and died, his sister got married and had her own family to take care of, so Chung had to get by in a broken relationship with his father - who Chung has not been in contact with for a long time but vaguely guessed he had known (about his sexuality).

Chung's romantic relationships did not last long. They left plenty of pain. When we met, Chung talked a lot about M., a Hanoian gentleman. Love, in the beginning, was beautiful, and they celebrated every week and every month together. Chung told M. about his past - like most people around him - and M. fully accepted it. Chung liked to cook and often went to M.'s place to cook for his whole family. M.'s mother also accepted their relationship. But in the end, M. said that Chung was instinctive, while M. was a man who preferred neatness and stability. M. had compassion for Chung more because of his family circumstances, as no one takes care of Chung, which created a wild person, but he did not accept Chung as a love partner. Chung failed to prevent the breakup.



Apart from M., we didn't talk about Chung's relationships. The last time he mentioned that topic, Chung talked about a successful person with high social status. The story did not have a good ending. He seems to love everyone hard, but his hard work does not guarantee the future.

Chung had not worked at the Japanese restaurant for long when his father called him back to ask him to go to a medical vocational school. His father works in the health sector in Thai Binh province and wanted to redirect his son to a place he could arrange. After the long chase towards the goal of becoming a chef and facing despair, he agreed eventually.

Now Chung does not follow his father's job, still running back and forth between service jobs in the old town. The ambitions and concerns of two years ago do not resurface often. His biggest wish is still a beautiful and lasting love. In the end, what Chung felt was the most lacking in his life, was love.

One thing happened a few years ago, which Chung told me not to write down. That was the period when he worked at a large hot pot restaurant. During the night shift, the service members would sometimes take pieces of beef from the kitchen to add to their own noodle bowls. Chung said this was not to be spoken about.

Chung authorised me to write about his sex work, but not about taking some leftover beef. I feel that this is a very important thing about that person, and still decided to write it down here.



Chung is at his rented room  
(05.2016)





# Thuyền trong vũng cạn





Thuyền trong vũng cạn, nơi ở của  
nhiều gia đình trong "làng gổm"



**M**ười mấy năm về trước, ông Quang khởi nghiệp buôn bán trên sông Hồng. Họ có một con thuyền lớn, đi dọc dòng sông để bán gổm. Dân Đức Bác những năm cơ hàn rủ nhau đi làm nghề ấy.

Nhưng đến một thời, thương mại phát triển, không ai còn cần những con thuyền đi dọc sông và bày ra những bình, những lọ bên đê nữa. Con thuyền của ông Quang neo lại ở Tứ Liên. Không có tiền sang sửa, ông để mặc nó bên bờ nước, rồi chìm. Ông và vợ lên bờ, thuê một mảnh đất, dựng một túp lều bên cạnh những vườn quất Tứ Liên. Họ tiếp tục duy trì nghề bán gổm theo một cách khác: đẩy xe gổm rong đi vào thành phố.

Chú là một số phận tiêu biểu cho làng mình. Cánh đồng xã Đức Bác, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc là đồng trũng, mỗi năm chỉ cấy được một vụ. Phần lớn những cánh đồng trũng dọc bờ sông Hồng đều tạo ra những ngôi làng di cư: mỗi năm, đồng ngập nước đến 6 tháng, không nuôi nổi con người. Và hầu hết những ngôi làng ấy, đều rủ nhau đi làm cùng một nghề. Với Đức Bác, là nghề bán gổm.

Thuở ban đầu, họ cứ lấy gổm, chắt lên thuyền, rồi đi men theo sông, dừng lại ở những ngôi làng ven bờ, đôi lúc chỉ để đổi gổm lấy gạo mắm. Rồi đến khi mô hình ấy lạc hậu, họ cùng neo thuyền lại trên một vũng cạn ở ngoài đê sông Hồng, và lập làng mới. Có người vẫn còn sống trên thuyền, có người như ông Quang, đã bỏ thuyền lên bờ. Có cả những thanh niên theo người trước xuống dựng lều, kế tiếp sự nghiệp bán gổm. “Làng chỉ còn người già, trẻ em và cán bộ xã” - phó chủ tịch xã Đức Bắc diễn tả.

Trong cái làng tạm, giờ có cả tiếng khóc của trẻ mới sinh. Nhà nào không có người trông trẻ con, mang cả những đứa còn bế ngửa xuống “làng mới”. Dân Hà Nội từ lâu bắt đầu quen với tên gọi “làng gổm Tứ Liên”.

Làng gổm Tứ Liên trở thành ‘chi nhánh’ của làng trên Vĩnh Phúc. Mấy chục nóc nhà, hơn 200 con người quây quần ngụ cư mà không một manh giấy.

Đất dựng lều là đất nông nghiệp thuê của người phố, còn chính quyền sở tại cũng đành tặc lưỡi trước cộng đồng ngụ cư này, lâu dần cũng cho họ đăng ký tạm trú. Những ngày đầu, chưa có điện, bà con múc nước sông lên đánh phèn, để lắng rồi dùng làm nước ăn. Sau, nhờ người trong phố đứng tên làm một cái công tơ rồi cấp phối lại điện cho cả làng. Lúc ấy thì đào giếng khoan, dùng máy bơm lấy nước.

Ông Quang bên sông Hồng  
(06.2015)





Có điện, có nước giếng, nhưng xóm gổm Tứ Liên vẫn là một môi trường sống đầy rủi ro. Ông Quang trước cũng dựng lều gần vườn quất, nhưng đến mùa, mỗi ngày chủ vườn phun thuốc vài lần, hai vợ chồng chú không chịu nổi phải chạy vào sâu trong xóm. Mùa mưa đến, con đường vào xóm lầy lội rình rập những người phụ nữ đẩy xe thồ gổm. Bão về, những túp lều xiêu vẹo và dột nát. Đêm xuống, muỗi vắt bay kín trời mà không cách nào xua đi hết được.

Những năm trước, cô Tú đẩy xe gổm vào thành phố. Hình ảnh những xe thồ với người phụ nữ đội nón ăn vận kín bưng đi dưới nắng, bên trên là lọ hoa, cốc sứ, ngắt ngưỡng đã quen thuộc với dân thủ đô. Những người bán rong như cô, đều bị cấm trong nội thành. Phần lớn thời gian, cô ngồi ở gần chân cầu Long Biên phía Gia Lâm, mua vé chợ để buôn bán. Nhưng cũng có những ngày cô Tú và người làng cố đi bán trong nội thành, chơi một cuộc trốn tìm với lực lượng chức năng. Hà Nội từ những năm siết chặt cảnh quan đô thị, đã thừa dần hình ảnh các xe gổm rong.

Còn ông Quang, bắt đầu một ngày mới từ tờ mờ sáng. Từ đêm, chú đã ngâm mình thả lưới trong cái vũng cạnh làng. Đến sáng sớm thì bơi thuyền nhỏ ra kéo lưới lên, cổ kiếm dăm ba con tôm con cá nhỏ. Cá sông Hồng giờ không còn nhiều, mà có còn cũng bị đánh bằng điện bằng mìn hết. Chú đi thả lưới chỉ vì không còn biết làm gì khác. Chỉ có hai vợ chồng cùng sống trong căn lều.

Cuộc di dân giúp Đức Bác giàu lên theo một cách phức tạp. Tương phản với ủy ban xã mốc meo đã lâu không sang sửa, đại diện hình ảnh cho một mảnh đất không có nền kinh tế, tương phản với những quán hàng tiêu tụy, nhà dân ở đây lại bề thế. Những căn nhà xây theo lối tân cổ điển, chống bằng thức cột na ná Doric kiểu La Mã, phào chỉ na ná kiểu Baroque và mái ngói thấp thoáng như nhiều tầng. Người đi làm ăn xa gửi tiền về quê xây nhà.

Nhà ông Quang là một căn nhà như thế. Tất cả gia sản bao nhiêu năm phiêu bạt sông nước, buôn bán nơi đất khách quê người, ông Quang bà Tú dồn cả vào công trình này. Dưới thủ đô, các thành viên gia đình chui rúc trong căn lều bạt bên triền sông đầy muối. Ở quê nhà, họ dựng lên một căn biệt thự.

Đó là cách để dành cho tương lai - dù “tương lai” ở đây chỉ là một cách gọi dễ dãi: ông bà có hai đứa con, thì một người đang ở dưới Hà Nội cùng bán gổm, một người cũng đi làm thuê ở xa. Căn nhà đó, không biết để lại cho ai.

Căn nhà chưa được sơn, vẫn đang là một khối xi măng xám đã nhiều vết loang. Nhà ông Quang đã hết tiền. Tổng chi phí xây phần thô hết 800 triệu, quá cả số tiền tiết kiệm được trong gần chục năm của ông bà. Chỉ tiền xây thô, ông bà nợ đã lâu chưa trả hết.





Căn lều của chú Quang dựng trên đất đi thuê  
(06.2015)

Nhà trống trải, chỉ có bộ bàn ghế đặt trong phòng khách và hai người phụ nữ. Mẹ ông Quang và bà Tú. Bà Tú phải về quê, vì cụ ở nhà đã già yếu không ai trông. Bây giờ dưới Hà Nội chỉ còn hai bố con ông. Một năm kể từ sau khi chúng tôi gặp ông Quang lần đầu tiên, mô hình đẩy xe gốm đi trong thành phố cũng đã lạc hậu: họ phải tìm một địa điểm cố định, nằm bên rìa thành phố, và đẩy quy mô buôn bán lên, thành một cửa hàng.

Gia đình chỉ có đôi sào ruộng, trồng được ít ngô, phải về quê, bà Tú nuôi thêm con lợn và chục con ngan lấy tiền tiêu. Họ không có tích lũy. Dù xoay sở tiếp ra sao trong tương lai, tiền cũng sẽ đổ tiếp vào căn nhà lớn này.

Xung quanh, cũng nhấp nhô những mái nhà rất cao. Và những cánh cổng khóa ngoài. Người chủ nhà đã phiêu bạt xa hết. Và có thể cũng đang ở trong một túp lều bạt nào đó bên sông Hồng.

Cách tích lũy duy nhất họ biết: xây một căn nhà to ở quê. Đó cũng là thứ gần như duy nhất Đức Bắc hưởng lợi từ dòng di dân: những căn nhà to mọc lên. Còn đường làng, vẫn im lặng.





Nơi ở của nhiều gia đình trong “làng gổm Tứ Liên”  
(6.2015)

# Boat in the shallow

**M**ore than a decade ago, Mr. Quang started his business on the Red River. They had a big boat, going along the river to sell pottery. In those difficult years, the villagers from Duc Bac commune told each other to follow that occupation.

Then came the time when trading developed so that nobody needed boats going along the river any more, and gone were the pots and jars displayed on the dyke banks. Quang's boat was anchored in Tu Lien commune. Without money to repair it, Quang left it there in the water, until it sunk. He and his wife rented a piece of land and built a small hut next to the kumquat gardens of Tu Lien. They continued their pottery business in a different way by taking a vendor cart into the city.

Quang's life is typical of his village. The paddy fields of Duc Bac commune, Song Lo district, Vinh Phuc province are a swampy area where only one crop can be cultivated each year. Most of the low-lying fields along the banks of the Red River create migrant villages: every year, the fields are flooded for up to

6 months and cannot accommodate people. In almost every one of these communities, the villagers join with each other in one occupation. For Duc Bac villagers, that occupation is selling pottery.

In the beginning, they loaded pottery onto their boats, travelled along the river and stopped at villages, sometimes just to exchange pottery for rice and fish sauce. When that pattern became obsolete, they anchored the boats on a shallow pond over the Red River dyke, and established a new village. Some people still live on boats, some like Quang left their boats to live on the land. Many young people still follow the footsteps of earlier villagers to set up tents and continue selling pottery. "In the village itself there only remain old people, children and commune officials" – said the vice chairman of Duc Bac commune.

In the temporary village, there is now even the crying of the newborn. Households without any member to take care of the babies even bring newborns, who still have to be held face up, to the "new village". Hanoians started to become familiar with the name "Tu Lien pottery village".

Mr. Quang rowed a boat on the billabong  
where the "ceramic village" is settled down  
(06.2015)



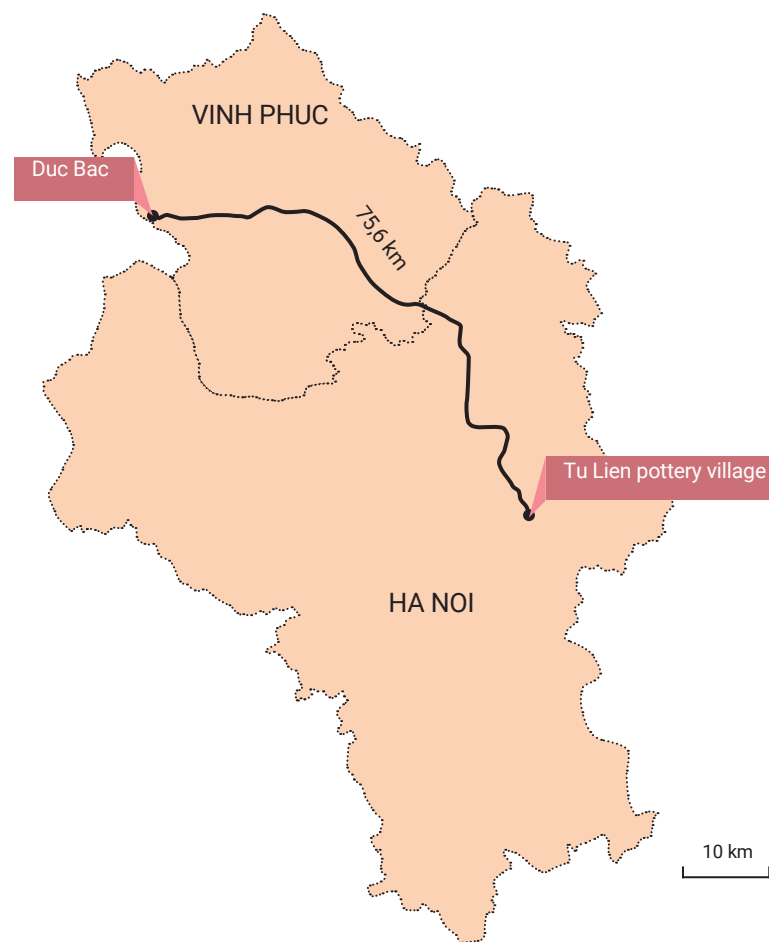


A family's living space in the boat  
(07.2015)

Tu Lien pottery village thus became an outpost of the original village in Vinh Phuc. Under several dozen roofs, more than 200 people gathered to live without any piece of official paper. The land where the tents were built is agricultural land rented from city people. The local authorities had to accept the troubling legal status of this new residential community and, after some time, granted them temporary residence status. In the early days, without electricity, people scooped up river water, used alum to filter and use it for drinking. Afterwards, they asked someone in the city to set up an electricity account with a meter and supplied the electricity to the whole village. Then, they could dig wells and started to use water pumps.

There is electricity and well water, but Tu Lien pottery village is still a risky living environment. Quang had previously built a tent near the kumquat gardens. But in the pest season, every day the garden owner would spray pesticides several times. He and his wife could not bear it and had to run deep into the village. When the rainy season comes, the muddy road into the village makes life hard for the women pushing pottery carts. When storm arrive, the ramshackle huts shiver and tear up. When night falls, mosquitoes fill the sky and villagers have no way to combat them.

Years ago, Mrs. Tu pushed a pottery cart into the city. People living in the capital are no strangers to the sight of women wearing cone hats, completely covering themselves in clothing under the blazing sun and pushing carts filled with staggering piles of flower vases and porcelain cups. Vendors like her are all banned in the inner city.



The “boat houses” are reinforced with an additional proof against sunshine and rain  
(07.2015)

Most of the time, she sits near the foot of Long Bien Bridge on the Gia Lam side, buying entrance tickets to the market to sell her stock. Sometimes, Mrs. Tu and the other villagers try to sell in the inner city, playing hide-and-seek with security forces. After years of “tightening the urban landscape”, Ha Noi has gradually seen fewer and fewer pottery vendor carts.

As for Quang, from just after midnight he immerses himself in the pond next to his village to arrange his fishnets. At dawn, he uses his boat to pull up the nets, hoping to find a few small fish and shrimps. These days there are far fewer fish in the Red River and most are now caught by electricity and explosives. Quang throws nets because he knows no other way.

The migration has helped Duc Bac villagers to grow richer. Contrary to the degraded Commune People’s Committee building, the symbol of a community without an economy, and the poor hollow shops, the houses here are ostentatious. The houses are built in neo-classical style, with columns resembling the Doric Roman order, Baroque-like molding and tiled roofs as if there were many floors. People working away from home sent remittances to build houses.

Quang’s house is an example. All the money, earned by many years of wandering the river and trading in the foreign city, was invested by Quang and Tu in this house.







Stuffs must be prepared in advance  
for selling in the early morning

In the city, family members huddle in huts on the riverbank plagued by mosquitoes. Back in their home village, they are building mansions.

It is their way of saving for the future - although “the future” is just a lazy term. They have two children, one in Ha Noi also selling pottery, one working in a distant province. That house is left for nobody-knows-who.

The house has not been painted and looks like a big grey concrete block with rain stained patches. Quang and Tu have run out of money. The total cost of basic construction amounts up 800 million VND, exceeding the savings accumulated over almost ten years by both of them. They have not paid out the debt incurred for this basic construction cost alone.

The house is almost empty, with only a set of living room furniture and two old women, Tu and Quang’s mothers. Tu had to return to the village because Quang’s mother had become so weak that she needed a caregiver. In Ha Noi, there are only Quang and his son. A year after we met Quang for the first time, the business model of pottery carts has in turn

become obsolete: they had to find a permanent location on the outskirts of the city and upgrade their business to a store.

The family only has a couple of hundred square meters of land in the village for growing corn, so Tu raises a pig and a dozen geese to earn money for daily expenses. They have no real savings. However hard they work in the coming years, all of their income will be swallowed up in completing this big house.

Around the house there are many high rooftops. All gates are locked. The owners of the houses are all far away. Maybe also living in canvas huts by the Red River.

The only way of saving most villagers know is to build a big house in the countryside. It is also the only thing that Duc Bac has benefited from via the migration flows: the mushrooming of big houses. The village road stays silent.

**Bản quyền thuộc về Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) và Nhóm tác giả**

Các hình ảnh và tư liệu trong ấn phẩm này có thể được sử dụng cho các mục đích phi thương mại, song phải trích dẫn nguồn và không làm sai lệch nội dung thông tin.

**Copyright: Center for Development and Integration (CDI) & the authors.**

This publication can be used for non-commercial purposes with acknowledgement of the copyrights and none of the content may be altered or modified.



Địa chỉ: Tầng 16, 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: +84 24 3538 0100  
Fax: +84 24 35377479  
Email: [info@cdivietnam.org](mailto:info@cdivietnam.org)  
Website: [cdivietnam.org](http://cdivietnam.org)

Add: Floor 16, 169 Nguyen Ngoc Vu, Cau Giay, Ha Noi, Viet Nam  
Tel: +84 24 3538 0100  
Fax: +84 24 35377479  
Web: [cdivietnam.org](http://cdivietnam.org)  
Email: [info@cdivietnam.org](mailto:info@cdivietnam.org)





**Belgium**  
partner in development

ISBN: 978-604-76-1976-4



SÁCH KHÔNG BÁN